

Số: /BC-UBND

Sa Đéc, ngày tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Sa Đéc tháng 4 năm 2024

Nhằm tổng hợp, đánh giá chất lượng hiệu quả các Nhóm chỉ số theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ về việc phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử. Ủy ban nhân dân thành phố Sa Đéc báo cáo kết quả thực hiện của các phòng ban, chuyên môn Thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tháng 4 năm 2024, với những nội dung cụ thể như sau:

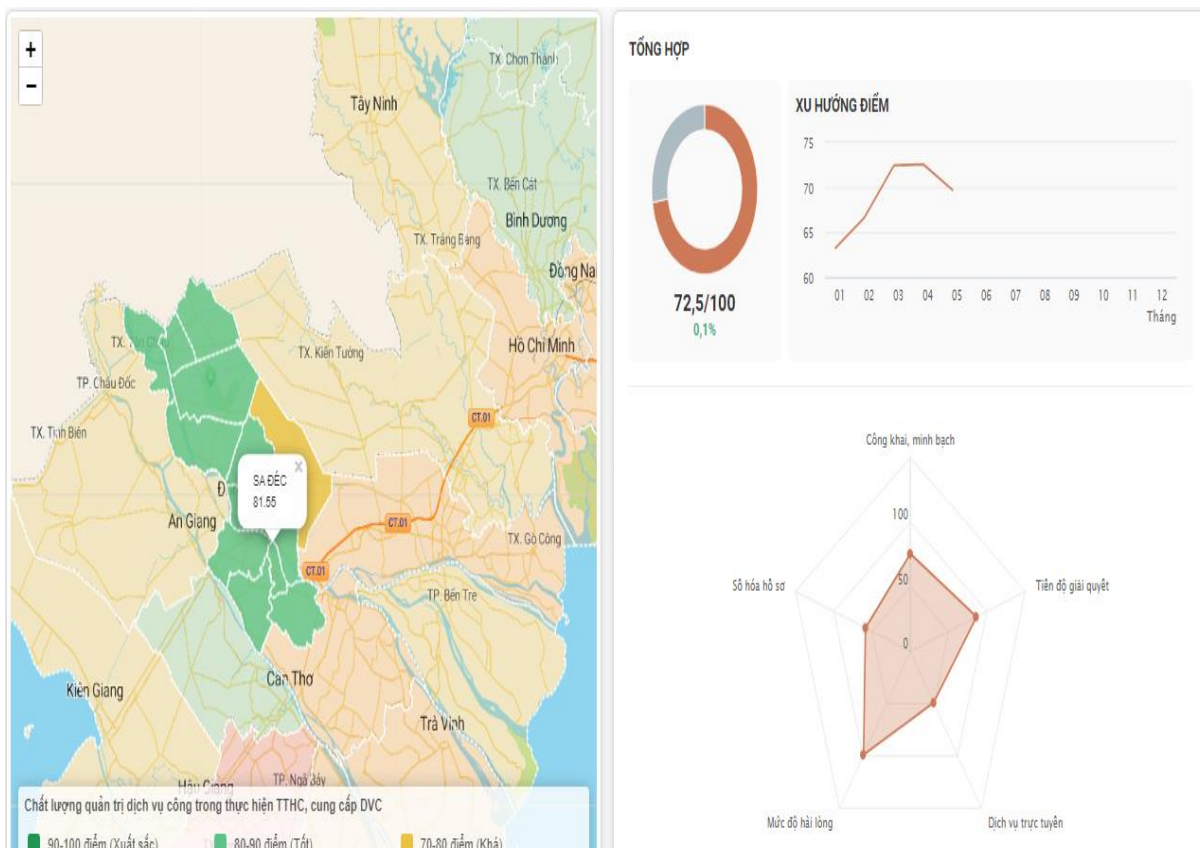
I. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ BỘ CHỈ SỐ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG.

1. Đối với thành phố Sa Đéc.

- Theo kết quả thực hiện Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (Tại địa chỉ <https://quantri.dichvucong.gov.vn>), thành phố Sa Đéc đạt **81,55 (Làm tròn 81,6) / 100 điểm (Tăng 3,49 điểm), xếp loại Tốt, xếp hạng 10 / 12** huyện, thành phố. Bao gồm các nhóm chỉ số: Công khai minh bạch, Tiến độ giải quyết, Dịch vụ công trực tuyến, Thanh toán trực tuyến, Mức độ hài lòng, Số hóa hồ sơ.

- Chi tiết các tiêu chí và số điểm đạt được như sau:

STT	Nhóm chỉ số thành phần	Điểm tối đa	Điểm đạt được	Tỷ lệ
01	Công khai minh bạch	18 điểm	15,5 điểm	85,9%
02	Tiến độ giải quyết	20 điểm	17,6 điểm	89,76%
03	Dịch vụ công trực tuyến	12 điểm	7,1 điểm	59,2%
04	Thanh toán trực tuyến	10 điểm	8,4 điểm	66,99%
05	Mức độ hài lòng	18 điểm	17,9 điểm	99,3%
06	Số hóa hồ sơ	22 điểm	15,1 điểm	68,5%
Tổng điểm:		100 điểm	81,6 điểm	



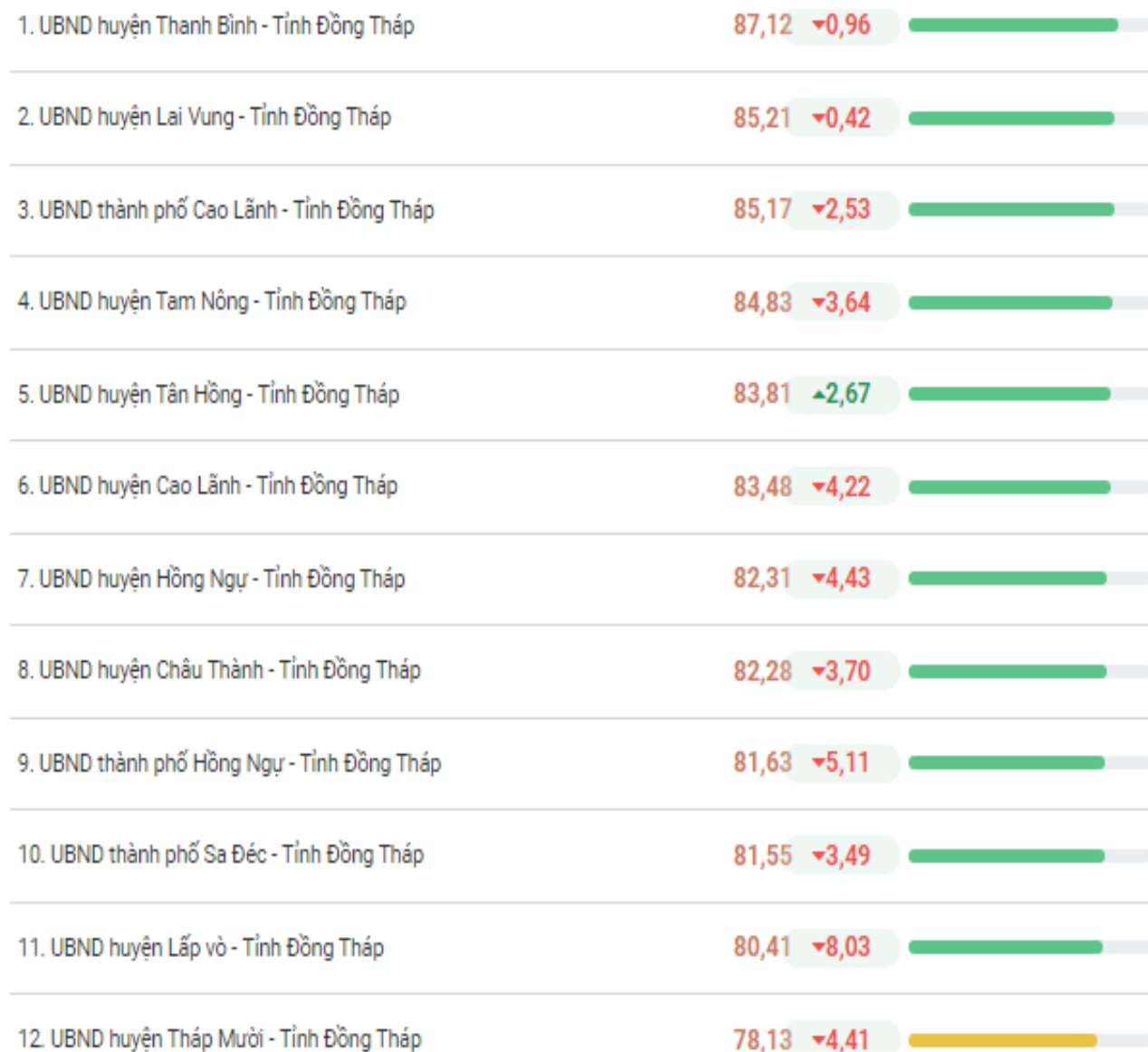
Ảnh: Điểm tổng hợp đánh giá các nhóm Chỉ số của Thành phố.

- Phụ lục thực hiện các nhóm Chỉ số giữa các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Điểm đánh giá	Tăng - giảm	Xếp loại
01	UBND huyện Thanh Bình	87,12 điểm	Giảm 0,96 điểm	Tốt
02	UBND huyện Lai Vung	85,21 điểm	Giảm 0,42 điểm	Tốt
03	UBND thành phố Cao Lãnh	85,17 điểm	Giảm 2,53 điểm	Tốt
04	UBND huyện Tam Nông	84,83 điểm	Giảm 3,64 điểm	Tốt
05	UBND huyện Tân Hồng	83,81 điểm	Tăng 2,67 điểm	Tốt
06	UBND huyện Cao Lãnh	83,48 điểm	Giảm 4,22 điểm	Tốt
07	UBND huyện Hồng Ngự	82,31 điểm	Giảm 4,43 điểm	Tốt
08	UBND huyện Châu Thành	82,28 điểm	Giảm 3,70 điểm	Tốt
09	UBND thành phố Hồng Ngự	81,63 điểm	Giảm 5,11 điểm	Tốt
10	UBND thành phố Sa Đéc	81,55 điểm	Giảm 3,49 điểm	Tốt

11	UBND huyện Lấp Vò	80,41 điểm	Giảm 8,03 điểm	Tốt
12	UBND huyện Tháp Mười	78,13 điểm	Giảm 4,41 điểm	Khá

XẾP HẠNG TỈNH/ THÀNH PHỐ



Ảnh: So sánh điểm, thứ hạng giữa các huyện, thành phố.

2. Đối với UBND xã, phường.

Điểm số cao nhất là **89,07 / 100** điểm, điểm thấp nhất là **74,09 / 100** điểm. Có **05 / 09** xã, phường xếp loại **Tốt**; có **04 / 09** xã, phường xếp loại **Khá**, cụ thể như sau:

- Phụ lục thực hiện các nhóm Chỉ số giữa các xã, phường¹:

STT	Đơn vị	Tổng điểm (Làm tròn theo Bản đồ thể chế)	Tăng - Giảm	Tổng điểm từ nhóm chỉ số						Xếp loại
				Công khai minh bạch	Tiến độ giải quyết	Dịch vụ công trực tuyến	Thanh toán trực tuyến	Mức độ hài lòng	Số hóa hồ sơ	
01	UBND xã Tân Quy Tây	89,07	Tăng 0,16	18 / 18	20 / 20	7,1 / 12	8,4 / 10	18 / 18	17,6 / 22	Tốt
02	UBND phường 4	86,15	Tăng 4,80	15,3 / 18	20 / 20	7,1 / 12	8,4 / 10	18 / 18	16,8 / 22	Tốt
03	UBND xã Tân Phú Đông	84,86	Giảm 2,25	18 / 18	17,3 / 20	7,1 / 12	8,4 / 10	17,8 / 18	15,7 / 22	Tốt
04	UBND phường 1	82,85	Giảm 4,03	15,6 / 18	16,3 / 20	7,1 / 12	8,4 / 10	17,4 / 18	17 / 22	Tốt
05	UBND phường 2	81,57	Tăng 1,53	14,3 / 18	19,9 / 20	7,1 / 12	8,4 / 10	18 / 18	13,1 / 22	Tốt
06	UBND phường Tân Quy Đông	78,85	Giảm 4,57	11,8 / 18	19,4 / 20	7,1 / 12	8,4 / 10	18 / 18	15,2 / 22	Khá
07	UBND phường 3	78,39	Giảm 7,49	11,7 / 18	19,8 / 20	7,1 / 12	8,4 / 10	18 / 18	14 / 22	Khá
08	UBND phường An Hòa	77,88	Giảm 7,15	14,4 / 18	18,1 / 20	7,1 / 12	8,4 / 10	18 / 18	12,7 / 22	Khá
09	UBND xã Tân Khánh Đông	74,09	Giảm 4,08	8,5 / 18	19,1 / 20	7,1 / 12	8,4 / 10	18 / 18	15 / 22	Khá

XẾP HẠNG TỈNH/ THÀNH PHỐ

Đơn vị	Điểm đánh giá
1. UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp	89,07 ▲0,16
2. UBND Phường 4 - Tỉnh Đồng Tháp	86,15 ▲4,80
3. UBND Xã Tân Phú Đông - Tỉnh Đồng Tháp	84,86 ▼2,25
4. UBND Phường 1 - Tỉnh Đồng Tháp	82,85 ▼4,03
5. UBND Phường 2 - Tỉnh Đồng Tháp	81,57 ▲1,53
6. UBND Phường Tân Quy Đông - Tỉnh Đồng Tháp	78,85 ▼4,57
7. UBND Phường 3 - Tỉnh Đồng Tháp	78,39 ▼7,49
8. UBND Phường An Hoà - Tỉnh Đồng Tháp	77,88 ▼7,15
9. UBND Xã Tân Khánh Đông - Tỉnh Đồng Tháp	74,09 ▼4,08

Ảnh: So sánh điểm, thứ hạng giữa các xã, phường.

¹ Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến và Thanh toán trực tuyến, số điểm Bản đồ thể chế chấm theo điểm của toàn Thành phố nên các xã, phường số điểm đều bằng nhau nhưng thực tế tỷ lệ phần trăm sẽ chênh lệch ở mức khác nhau. Chính vì thế, tổng điểm các chỉ số của từng xã, phường khi cộng điểm các Chỉ số sẽ bị chênh lệch. Nhưng **tổng số điểm** là đúng thực tế.

II. NHÓM CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG.

1. Chỉ số Công khai minh bạch, gồm.

1.1/ Đối với Thành phố.

- Kết quả đối chiếu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

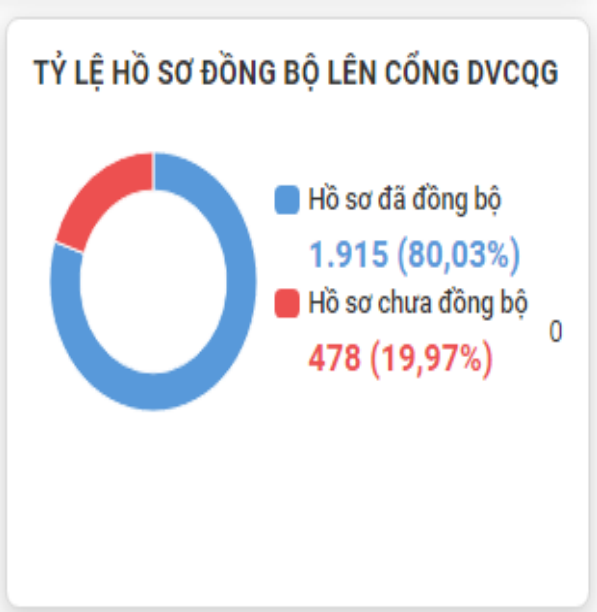
- + Tỷ lệ thủ tục hành chính công bố đúng hạn.
- + Tỷ lệ TTHC được cập nhật, công khai đúng hạn.
- + Tỷ lệ TTHC được công khai có đầy đủ nội dung quy định về các bộ phận tạo thành TTHC.
- + Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ về Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- + Kết quả thể hiện có số điểm là **15,5 / 18 điểm**.



Ảnh: Điểm công khai minh bạch của toàn Thành phố.

- Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành và tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

STT	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ chưa đồng bộ
01	1.706	1.706	1.915 (80,03%)	478 (19,97%)

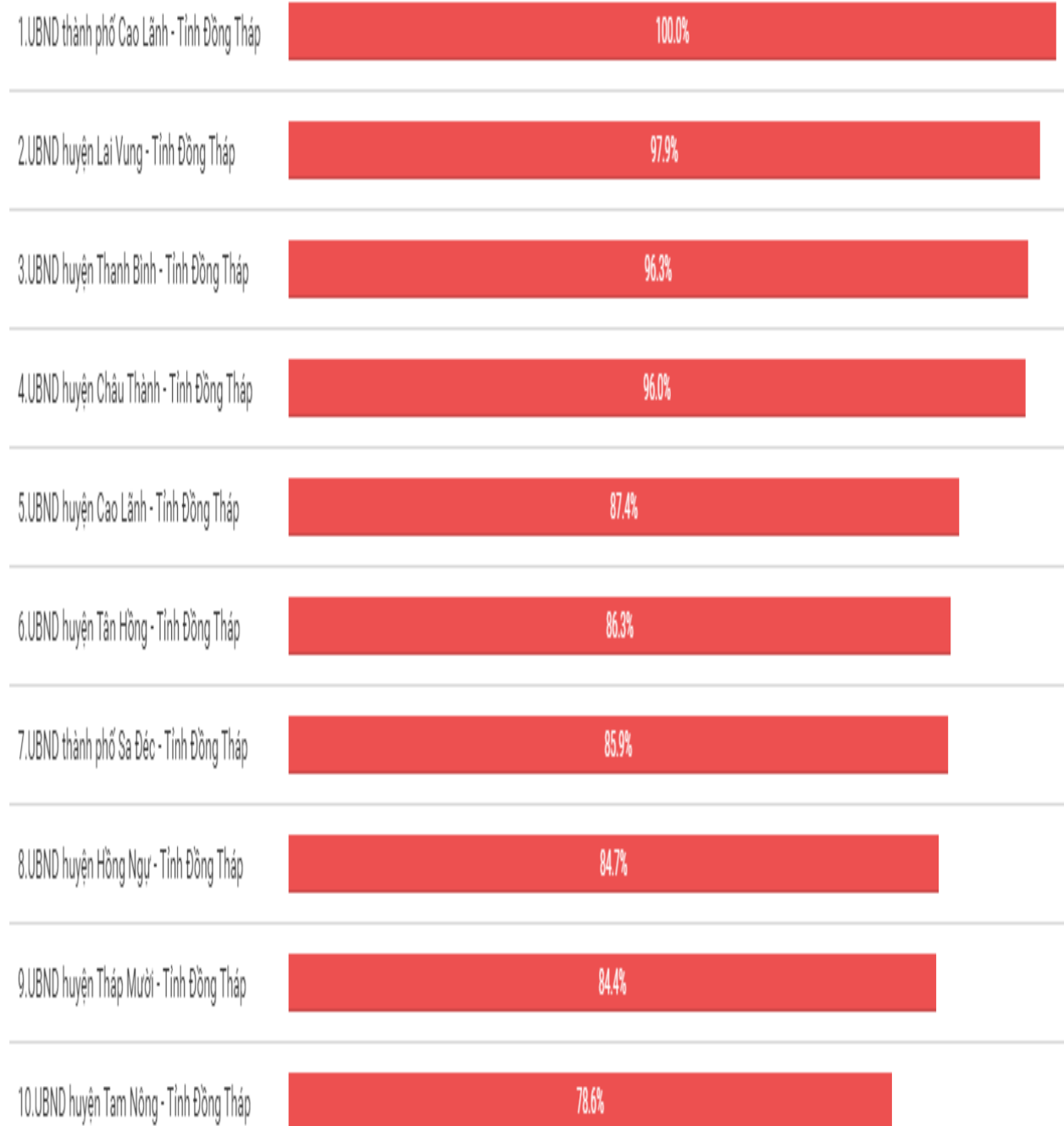


Ảnh: Thủ tục hành chính được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành và tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Phụ lục: Điểm trung bình và tỷ lệ thực hiện của các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND thành phố Cao Lãnh	100%	18 / 18
02	UBND huyện Lai Vung	97,9%	17,6 / 18
03	UBND huyện Thanh Bình	96,3%	17,3 / 18
04	UBND huyện Châu Thành	96%	17,3 / 18
05	UBND huyện Cao Lãnh	87,4%	15,7 / 18
06	UBND huyện Tân Hồng	86,3%	15,5 / 18
07	UBND Thành phố Sa Đéc	85,9%	15,5 / 18
08	UBND huyện Hồng Ngự	84,7%	15,2 / 18
09	UBND huyện Tháp Mười	84,4%	15,2 / 18
10	UBND huyện Tam Nông	78,6%	14,2 / 18
11	UBND huyện Lấp Vò	71,2%	12,8 / 18
12	UBND thành phố Hồng Ngự	68,6%	12,3 / 18

Đơn vị **Cấp Sở**



Ảnh: Tỷ lệ giữa các huyện, thành phố.

1.2/ Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường:

- Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành và tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ
Tân Quy Tây	1.706	1.706	125 hồ sơ (Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai)



Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ
Tân Phú Đông	1.706	1.706	215 hồ sơ (Dữ liệu đồng bộ số lượng hồ sơ chưa sát với thực tế triển khai)



Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ Chưa đồng bộ
Phường 1	1.706	1.706	441 (86,81%)	67 (13,19%)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



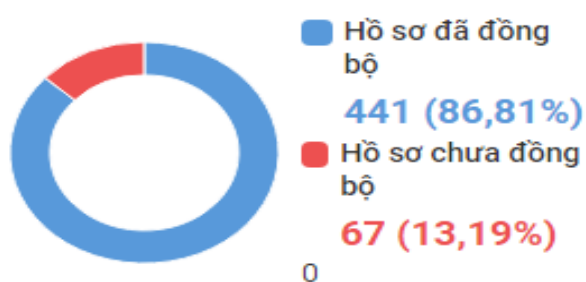
TTHC công khai đầy đủ

1.706

Tổng số TTHC

1.706

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ Chưa đồng bộ
Phường 4	1.706	1.706	85 (85%)	15 (15%)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



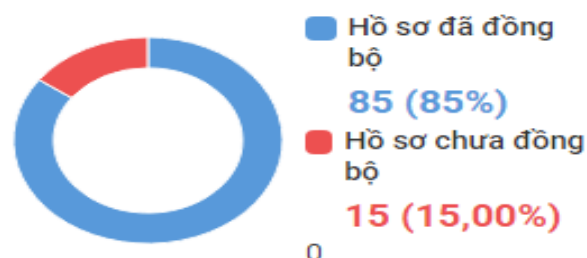
TTHC công khai đầy đủ

1.706

Tổng số TTHC

1.706

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ Chưa đồng bộ
An Hòa	1.706	1.706	215 (80,22%)	53 (19,78%)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



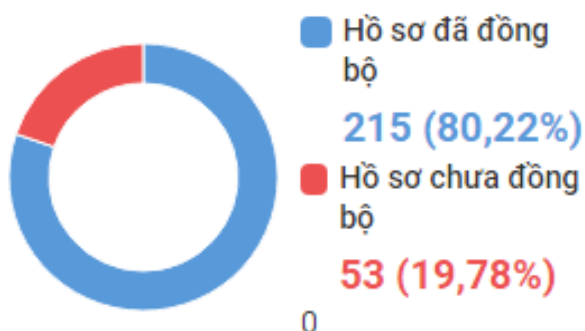
TTHC công khai đầy đủ

1.706

Tổng số TTHC

1.706

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ Chưa đồng bộ
Phường 2	1.706	1.706	185 (79,4%)	48 (20,60%)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



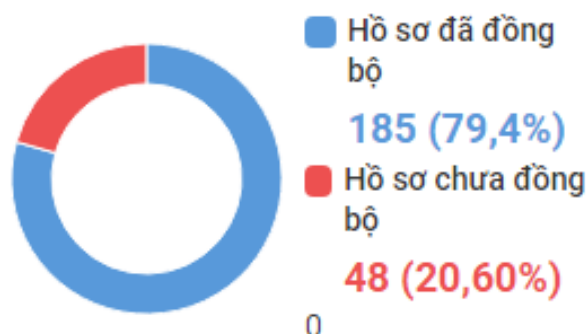
TTHC công khai đầy đủ

1.706

Tổng số TTHC

1.706

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ Chưa đồng bộ
Tân Quy Đông	1.706	1.706	70 (65,42%)	37 (34,58%)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



TTHC công khai đầy đủ

1.706

Tổng số TTHC

1.706

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Hồ sơ đã đồng bộ

70 (65,42%)

Hồ sơ chưa đồng bộ

37 (34,58%)

0

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ Chưa đồng bộ
Phường 3	1.706	1.706	92 (64,79%)	50 (35,21%)

SỐ TTHC ĐƯỢC CÔNG KHAI ĐẦY ĐỦ CÁC NỘI DUNG QUY ĐỊNH VỀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH



TTHC công khai đầy đủ

1.706

Tổng số TTHC

1.706

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



Hồ sơ đã đồng bộ

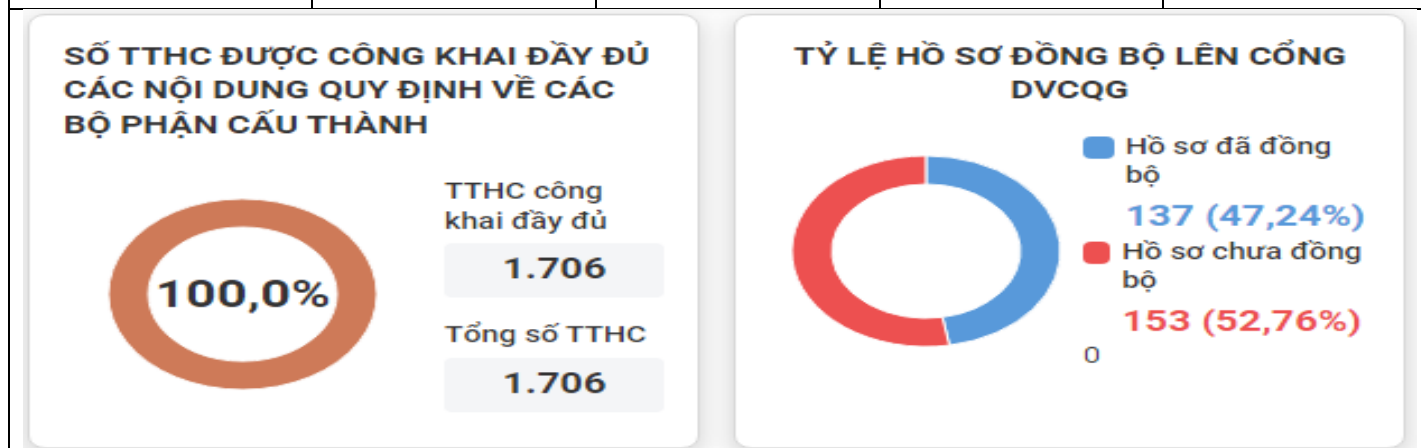
92 (64,79%)

Hồ sơ chưa đồng bộ

50 (35,21%)

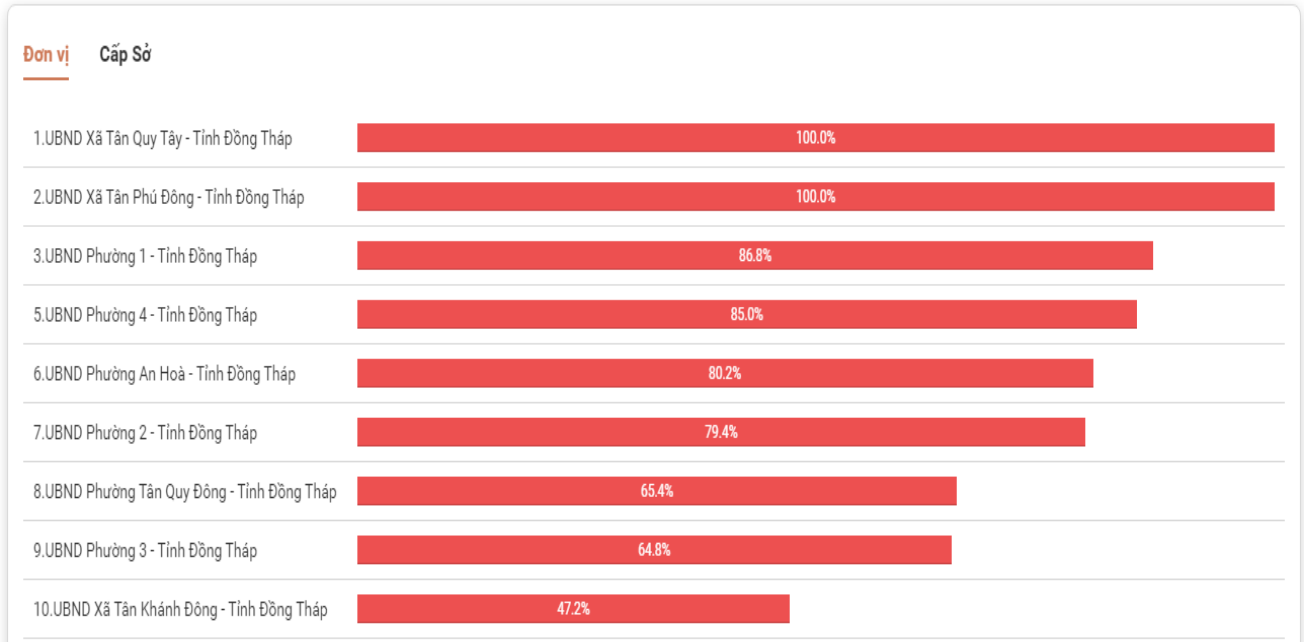
0

Đơn vị	Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành		Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng dịch vụ công quốc gia	
	TTHC được công khai đầy đủ	Tổng số TTHC	Hồ sơ đã đồng bộ	Hồ sơ Chưa đồng bộ
Tân Khánh Đông	1.706	1.706	137 (47,24%)	153 (52,76%)



- Phụ lục: Điểm trung bình và tỷ lệ thực hiện của các xã, phường:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND xã Tân Quy Tây	100%	18 / 18
02	UBND xã Tân Phú Đông	100%	15,3 / 18
03	UBND phường 1	86,8%	18 / 18
04	UBND phường 4	85%	15,6 / 18
05	UBND phường An Hòa	80,2%	14,3 / 18
06	UBND phường 2	79,4%	11,8 / 18
07	UBND phường Tân Quy Đông	65,4%	11,7 / 18
08	UBND phường 3	64,8%	14,4 / 18
09	UBND xã Tân Khánh Đông	47,2%	8,5 / 18



Ảnh: Kết quả công khai, minh bạch trong giải quyết TTHC, cung cấp DVC của các xã, phường.

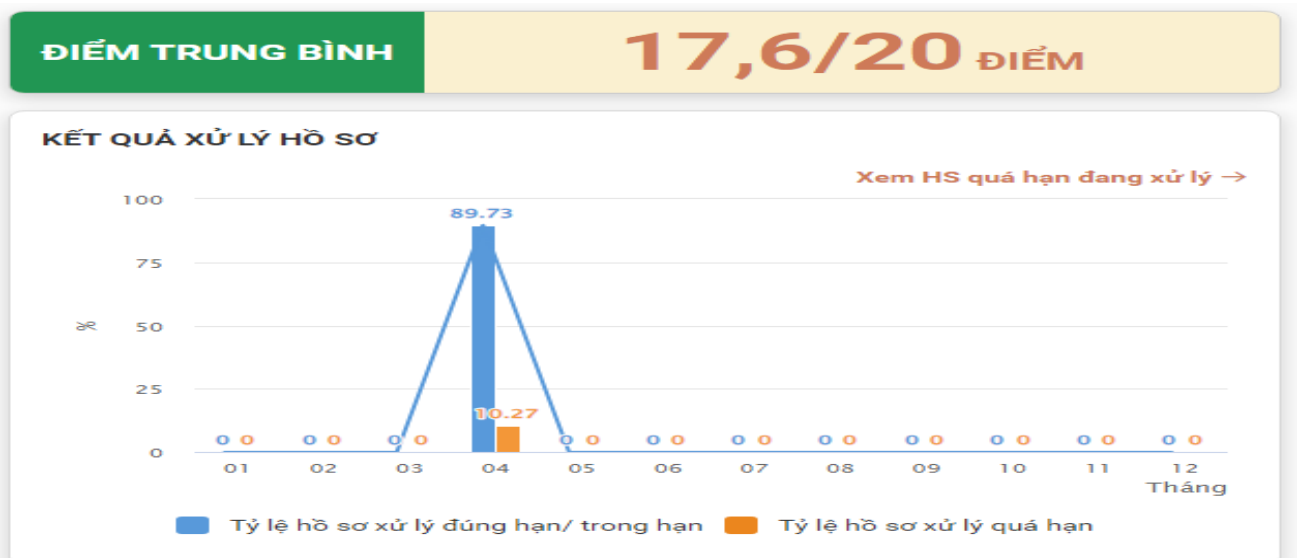
2. Chỉ số tiến độ giải quyết hồ sơ TTHC, gồm.

- Tỷ lệ hồ sơ xử lý trước hạn, đúng hạn.
- Thời gian giải quyết TTHC trung bình theo từng TTHC.

2.1 Kết quả đạt được trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điểm được tính theo tỷ lệ hồ sơ xử lý đúng hạn của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Thành phố, xã, phường trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đồng Tháp và đồng bộ về Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Thành phố Sa Đéc đạt tỷ lệ **89,73%** hồ sơ xử lý đúng hạn, trong hạn và tỷ lệ **10,27** hồ sơ xử lý quá hạn, đạt **17,6 / 20 điểm**, xếp **hạng 04 / 12** huyện, thành phố.

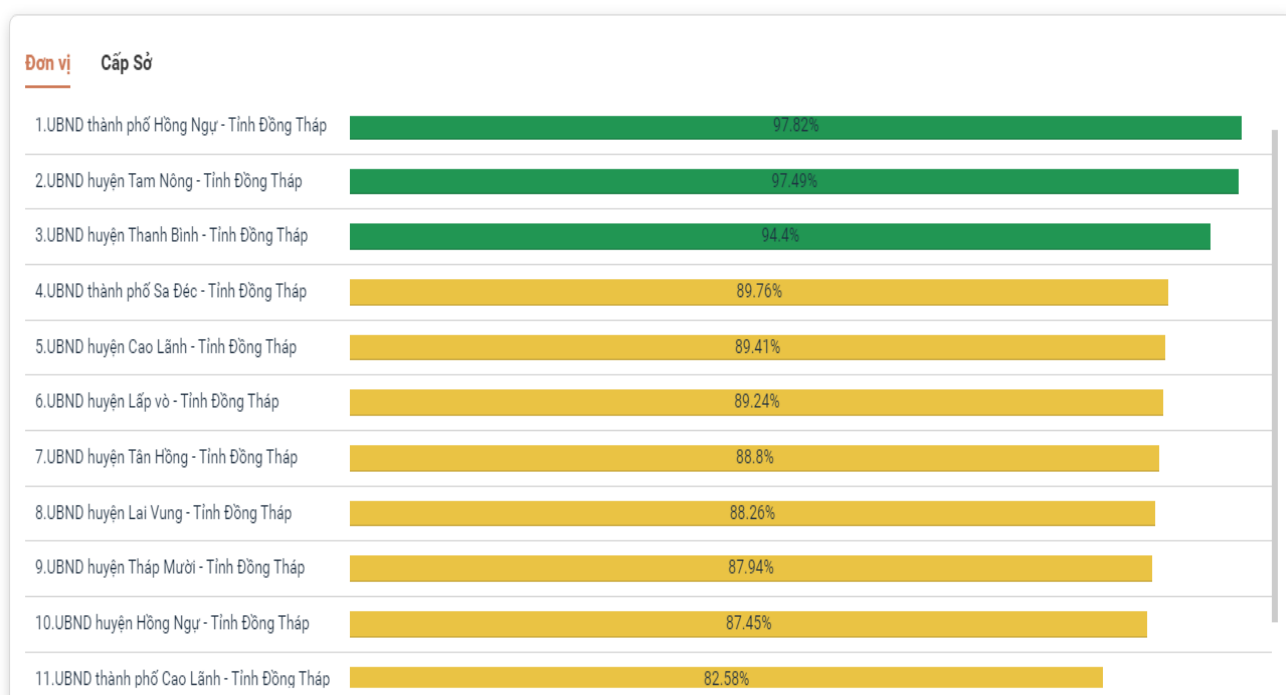


Ảnh: Điểm trung bình và kết quả xử lý hồ sơ theo tháng của Thành phố.

2.2/ Tình hình kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các huyện, thành phố.

STT	Đơn vị	Tỷ lệ đúng hạn/ Trong hạn	Điểm đạt được
01	UBND thành phố Hồng Ngự	97,82%	19,5 / 20
02	UBND huyện Tam Nông	97,49%	19,4 / 20
03	UBND huyện Thanh Bình	94,4%	18,7 / 20
04	UBND thành phố Sa Đéc	89,76%	17,6 / 20
05	UBND huyện Cao Lãnh	89,41%	17,4 / 20
06	UBND huyện Lấp Vò	89,24%	17,3 / 20
07	UBND huyện Tân Hồng	88,8%	17,3 / 20
08	UBND huyện Lai Vung	88,26%	17,2 / 20
09	UBND huyện Tháp Mười	87,94%	17,1 / 20
10	UBND huyện Hồng Ngự	87,45%	17,1 / 20
11	UBND thành phố Cao Lãnh	82,58%	16,3 / 20
12	UBND huyện Châu Thành	75,71%	14,5 / 20

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ TTHC



Ảnh: Tỷ lệ % tình hình kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các huyện, thành phố.

2.3/ Tình hình kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các xã, phường.

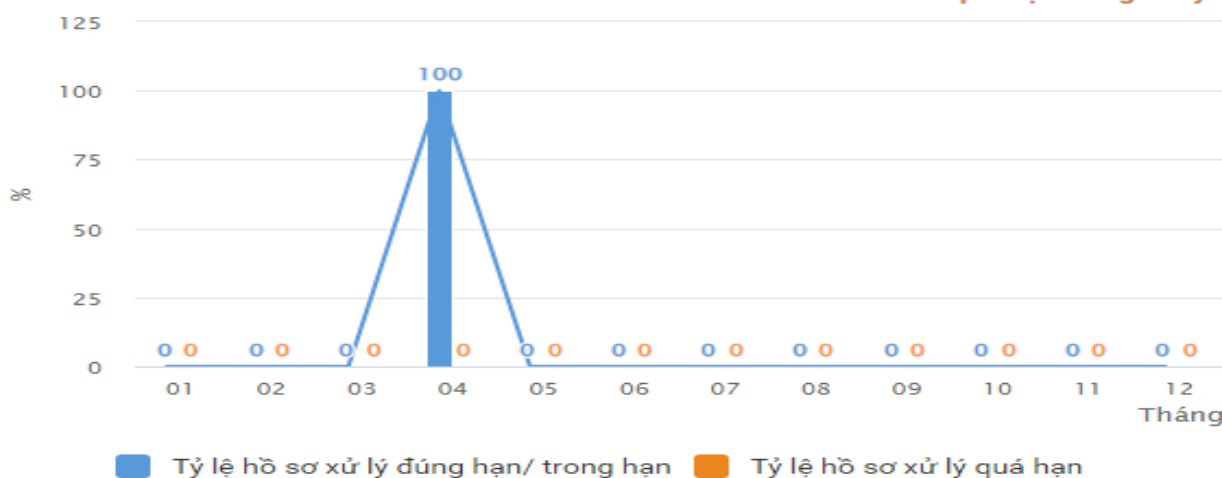
STT	Đơn vị	Tỷ lệ đúng hạn/ Trong hạn	Tỷ lệ hồ sơ xử lý quá hạn	Điểm đạt được
01	UBND xã Tân Quy Tây	100%	00%	20 / 20

ĐIỂM TRUNG BÌNH

20,0/20 ĐIỂM

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ

[Xem HS quá hạn đang xử lý →](#)



02

UBND phường 4

100%

00%

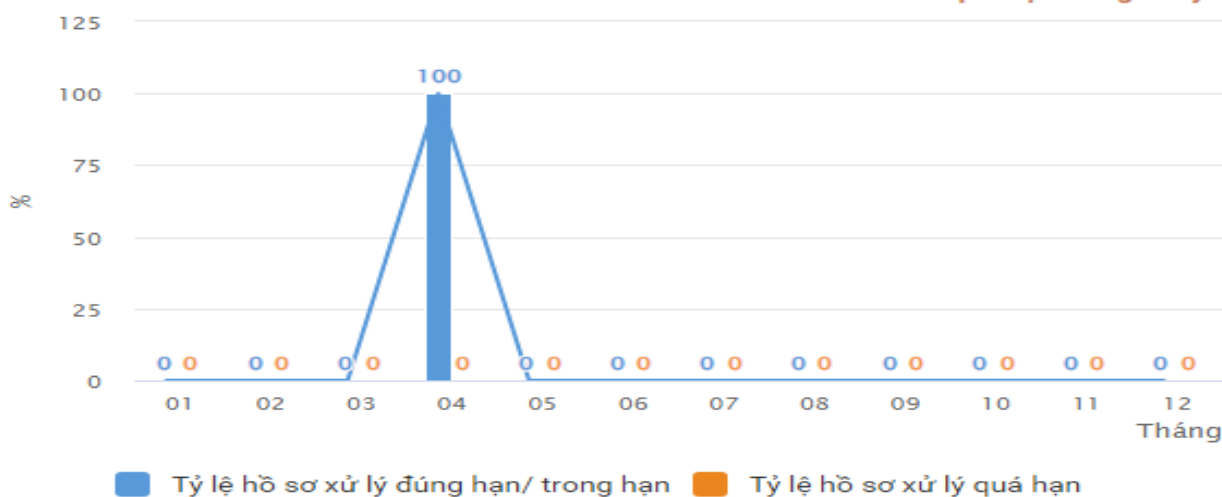
20 / 20

ĐIỂM TRUNG BÌNH

20,0/20 ĐIỂM

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ

[Xem HS quá hạn đang xử lý →](#)



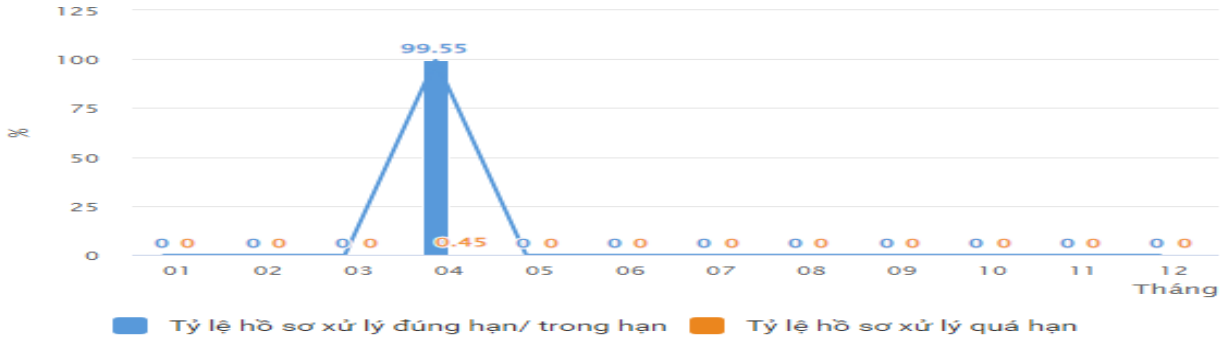
03	UBND phường 2	99,55%	0,45%	19,9 / 20
----	---------------	--------	-------	-----------

ĐIỂM TRUNG BÌNH

19,9/20 ĐIỂM

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ

[Xem HS quá hạn đang xử lý →](#)



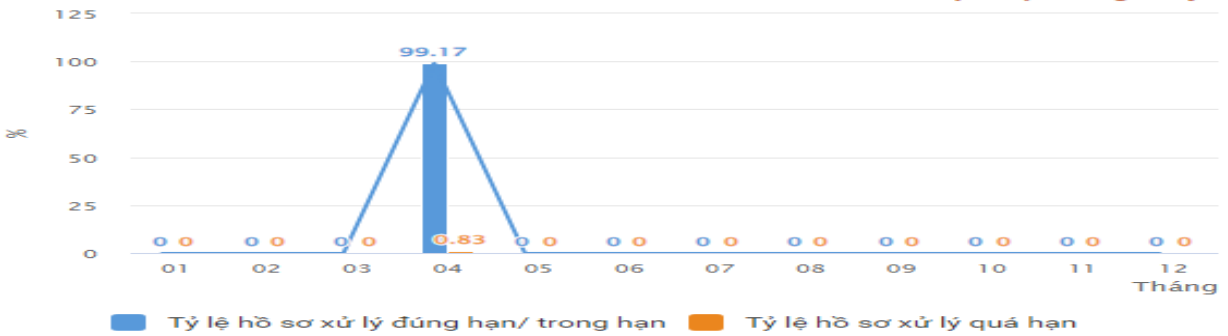
04	UBND phường 3	99,17%	0,83%	19,8 / 20
----	---------------	--------	-------	-----------

ĐIỂM TRUNG BÌNH

19,8/20 ĐIỂM

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ

[Xem HS quá hạn đang xử lý →](#)



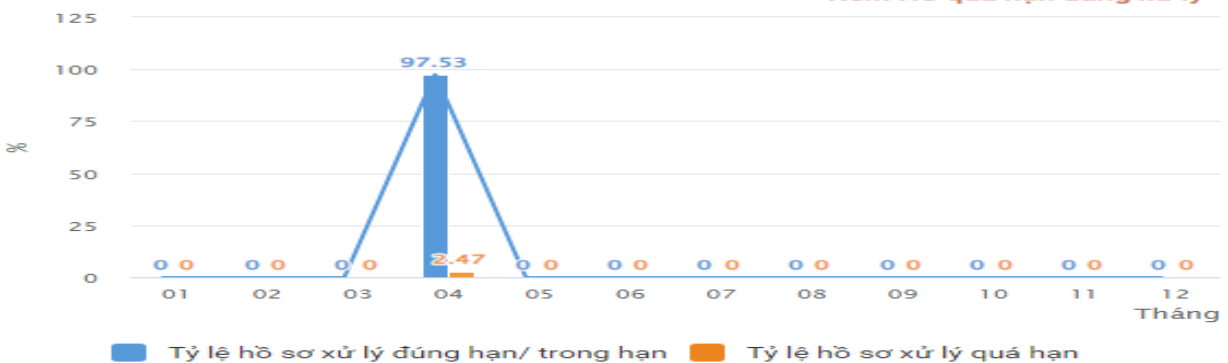
05	UBND phường Tân Quy Đông	93,06%	2,47%	19,4 / 20
----	--------------------------	--------	-------	-----------

ĐIỂM TRUNG BÌNH

19,4/20 ĐIỂM

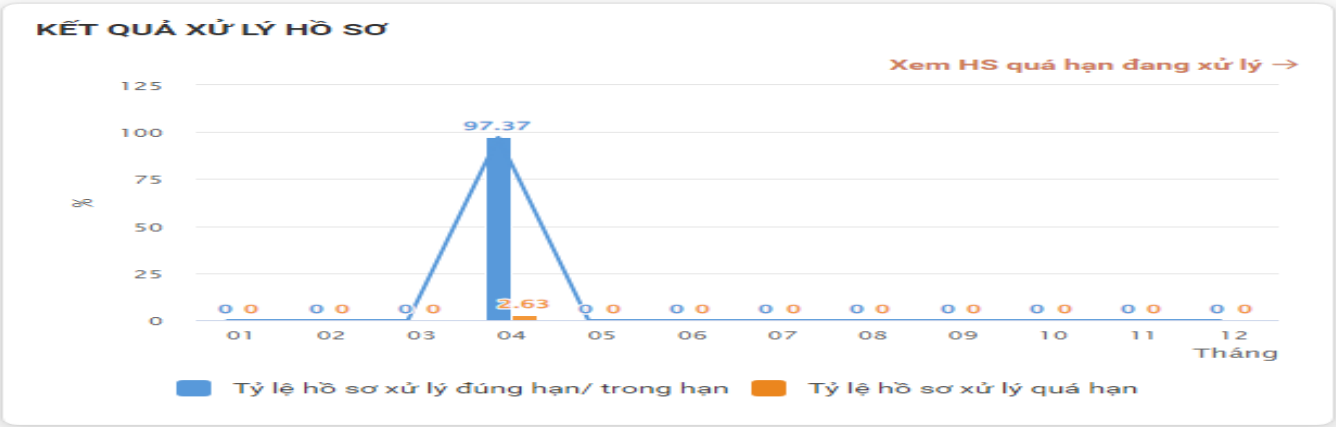
KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ

[Xem HS quá hạn đang xử lý →](#)



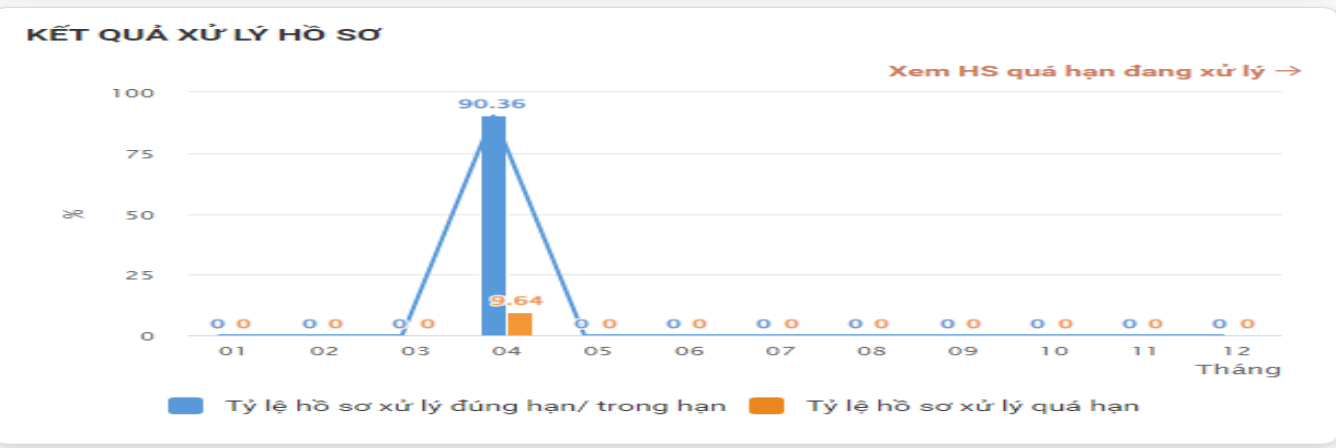
06	UBND xã Tân Khánh Đông	97,37%	2,63%	18,6 / 20
----	------------------------	--------	-------	-----------

ĐIỂM TRUNG BÌNH **19,1/20 ĐIỂM**



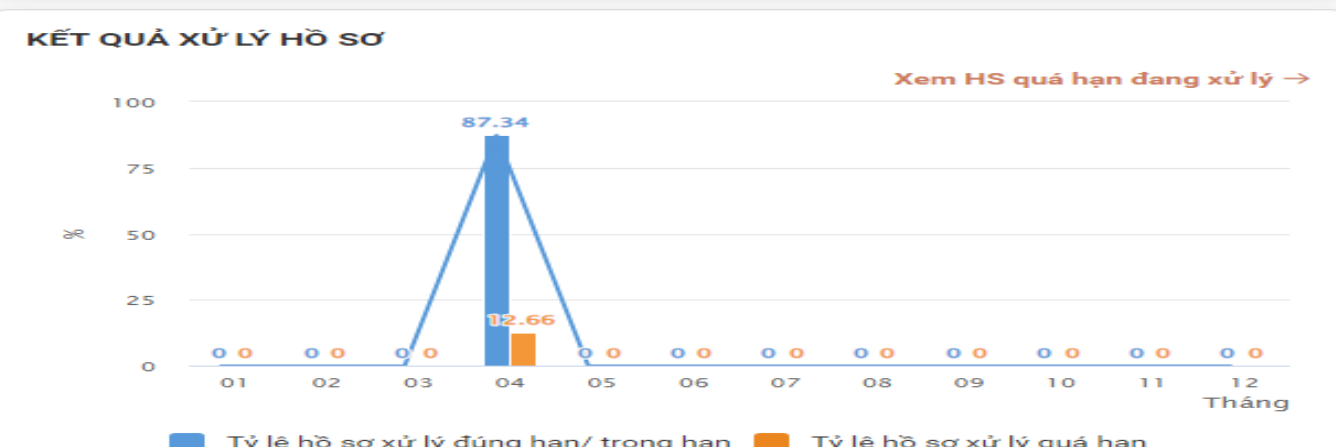
07	UBND phường An Hòa	90,36%	9,64%	18,1 / 20
----	--------------------	--------	-------	-----------

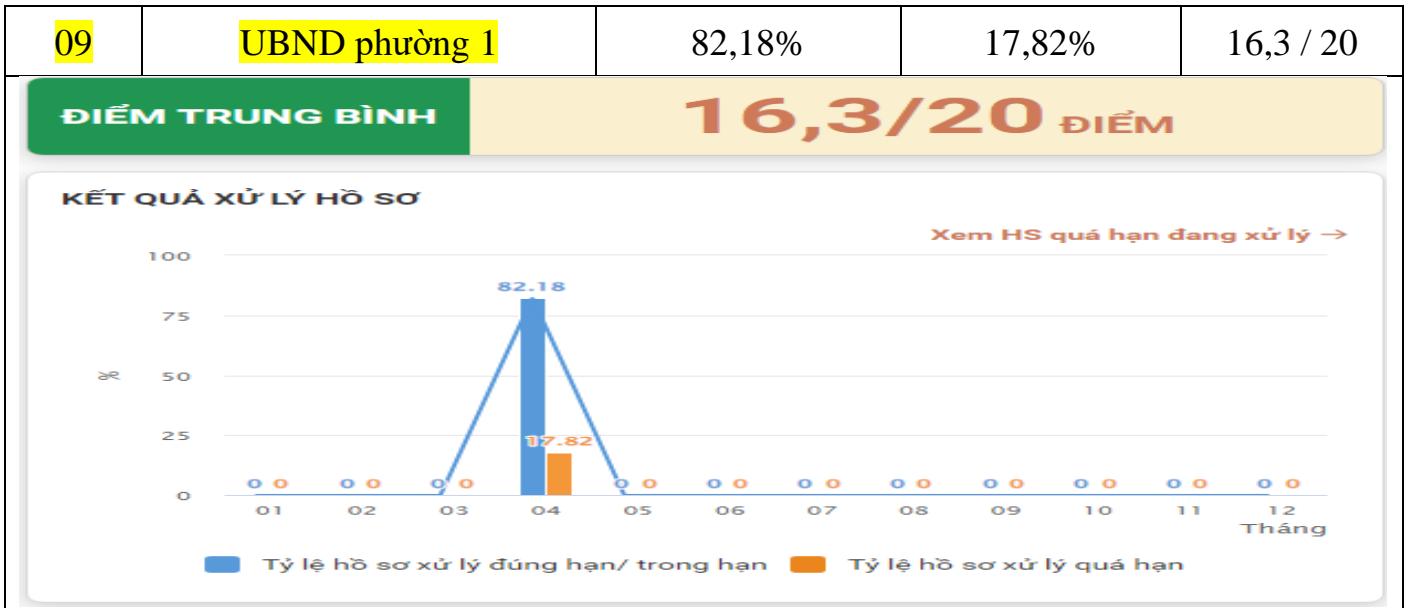
ĐIỂM TRUNG BÌNH **18,1/20 ĐIỂM**



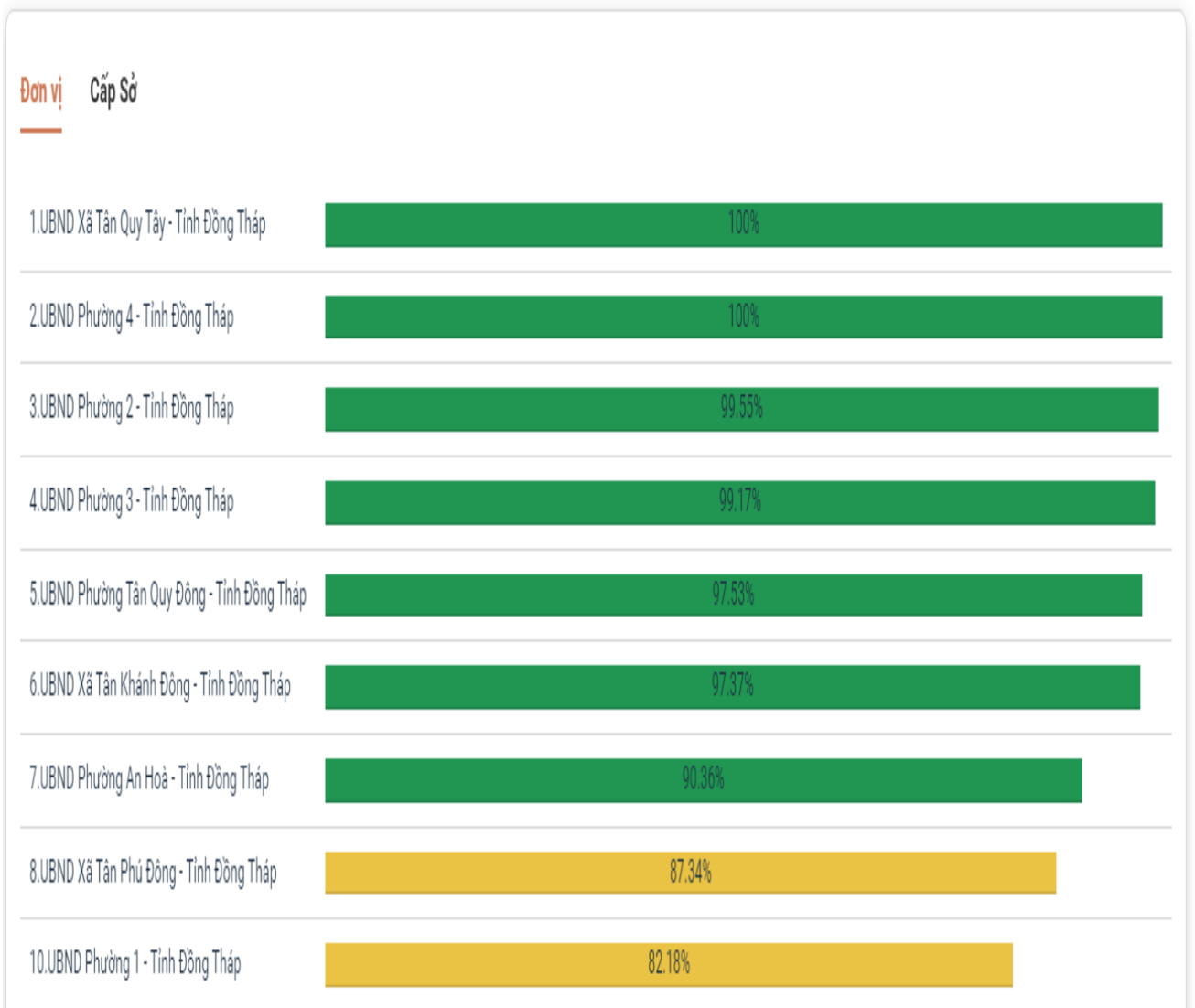
08	UBND xã Tân Phú Đông	87,34%	12,66%	17,3 / 20
----	----------------------	--------	--------	-----------

ĐIỂM TRUNG BÌNH **17,3/20 ĐIỂM**





TÌNH HÌNH KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ TTHC



Ảnh: Tỷ lệ % tình hình kết quả xử lý hồ sơ TTHC của các xã, phường.

2.4/ Danh sách hồ sơ quá hạn xử lý quá hạn trên dịch vụ công.

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ sơ quá hạn	Mã số hồ sơ
01	UBND Thành phố	H20.27	45 hồ sơ	H20.27-240422-0004
				H20.27-240412-0010
				H20.27-240325-0030
				H20.27-240323-0001
				H20.27-240320-0007
				H20.27-240314-0023
				H20.27-240309-0007
				H20.27-240309-0006
				H20.27-240308-0006
				H20.27-240306-0004
				H20.27-240305-0007
				H20.27-240305-0009
				H20.27-240305-0034
				H20.27-240301-0018
				H20.27-240229-0018
				H20.27-240222-0015
				H20.27-240219-0013
				H20.27-240219-0005
H20.27-240206-0010				
H20.27-240131-0008				
H20.27-240130-0018				
H20.27-240126-0013				

				H20.27-240124-0004
				H20.27-240108-0002
				H20.27-231226-0002
				H20.27-231207-0007
				H20.27-231121-0001
				H20.27-231120-0009
				H20.27-231117-0016
				H20.27-231113-0018
				H20.27-231109-0002
				H20.27-231106-0020
				H20.27-231026-0038
				H20.27-231012-0027
				H20.27-231003-0006
				H20.27-231002-0003
				H20.27-230919-0003
				H20.27-230801-0013
				H20.27-230717-0002
				H20.27-230614-0007
				000.00.36.H20-230525-0027
				000.00.36.H20-230418-0014
				000.00.36.H20-230404-0021
				000.00.36.H20-230317-0011
				000.00.36.H20-221102-0026
02	UBND phường An Hòa	H20.27.19	23 hồ sơ	G22.99-240426-0105801

				G22.99-240426-0105744
				G22.99-240426-0105669
				G22.99-240426-0105639
				G22.99-240426-0105772
				G22.99-240426-0105699
				G22.99-240426-0105727
				G22.99-240426-0105826
				G22.99-240425-0110418
				G22.99-240425-0109817
				G22.99-240425-0106763
				G22.99-240425-0106936
				G22.99-240425-0109738
				G22.99-240425-0106895
				G22.99-240425-0106842
				G22.99-240425-0109782
				G22.99-240425-0109726
				G22.99-240425-0109797
				G22.99-240425-0109760
				G22.99-240425-0106873
				G22.99-240425-0106805
				G22.99-240423-0115161
				000.25.36.H20-230222-0010
03	UBND xã Tân Khánh Đông	H20.27.21	02 hồ sơ	H20.27.21-240314-0021
				000.27.36.H20-221229-0012

04	UBND phường 1	H20.27.15	02 hồ sơ	G22.99-240416-0114316
				G22.99-240416-0114294
05	UBND phường 2	H20.27.16	01 hồ sơ	000.22.36.H20-230323-0052
06	UBND phường Tân Quy Đông	H20.27.20	01 hồ sơ	000.26.36.H20-230330-0003
Tổng cộng:				74 hồ sơ

THỐNG KÊ HỒ SƠ XỬ LÝ QUÁ HẠN THEO CƠ QUAN / ĐƠN VỊ

UBND thành phố Sa Đéc - Tỉnh Đồng Tháp

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ xử lý quá hạn	Danh sách hồ sơ
1	UBND thành phố Sa Đéc - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27	45	
2	UBND Phường An Hoà - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.19	23	
3	UBND Xã Tân Khánh Đông - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.21	2	
4	UBND Phường 1 - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.15	2	
5	UBND Phường 2 - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.16	1	
6	UBND Phường Tân Quy Đông - Tỉnh Đồng Tháp	H20.27.20	1	

Hiện 6 trong 6 đơn vị

<< < 1 > >>

Số đơn vị trong 1 trang 10 v

Ảnh: Số lượng hồ sơ treo trạng thái quá hạn trên cổng dịch vụ công.

3. Chỉ số Cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

- Tỷ lệ TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ.
- Thành phố Sa Đéc đạt tỷ lệ **59,2%** hồ sơ nộp trực tuyến, đạt **7,1 / 12 điểm**, xếp hạng **12 / 12** huyện, thành phố.

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ**7,1/12 ĐIỂM****TỶ LỆ TTHC CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN**

TTHC cung cấp DVCTT một phần

46 (16,79%)

TTHC cung cấp DVCTT toàn trình

58 (21,17%)

Còn lại

170 (62,04%)*Ảnh: Điểm đánh giá cung cấp dịch vụ công trực tuyến.***3.1/ Tỷ lệ thực hiện của các huyện, thành phố.**

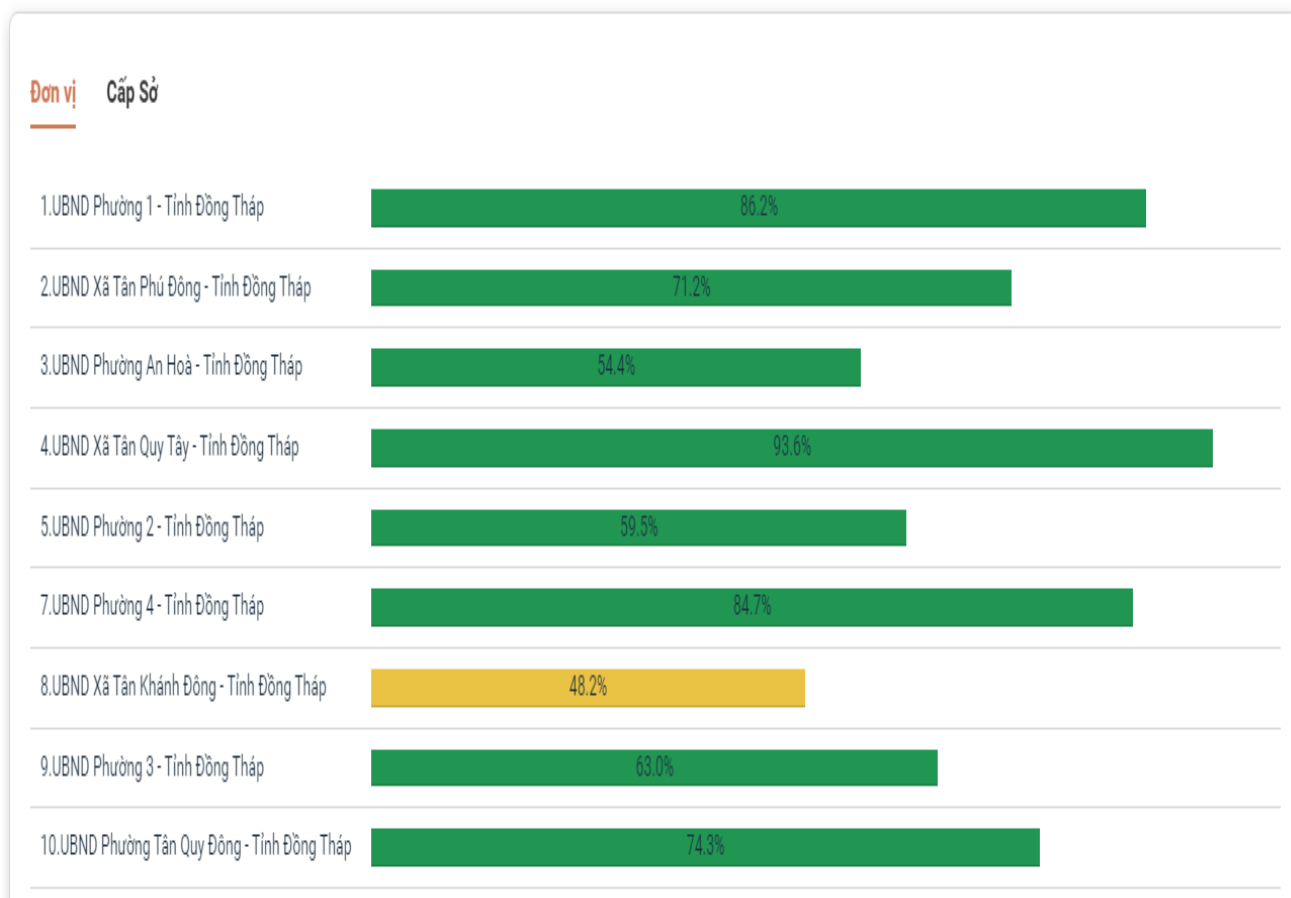
STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm đạt được
01	UBND huyện Thanh Bình	86,1%	7,3 / 12
02	UBND thành phố Cao Lãnh	84,4%	
03	UBND huyện Châu Thành	77,7%	7,2 / 12
04	UBND huyện Tam Nông	76,8%	
05	UBND huyện Tân Hồng	72,7%	
06	UBND thành phố Hồng Ngự	72%	
07	UBND huyện Cao Lãnh	70,3%	
08	UBND huyện Lấp Vò	69,9%	
09	UBND huyện Lai Vung	67,9%	
10	UBND huyện Hồng Ngự	67,9%	
11	UBND huyện Tháp Mười	63,2%	
12	UBND thành phố Sa Đéc	59,2%	



Ảnh: Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến của các huyện, thành phố.

3.2/ Tỷ lệ thực hiện của các xã, phường.

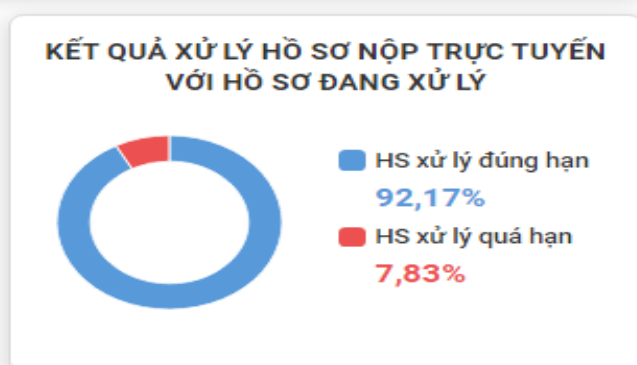
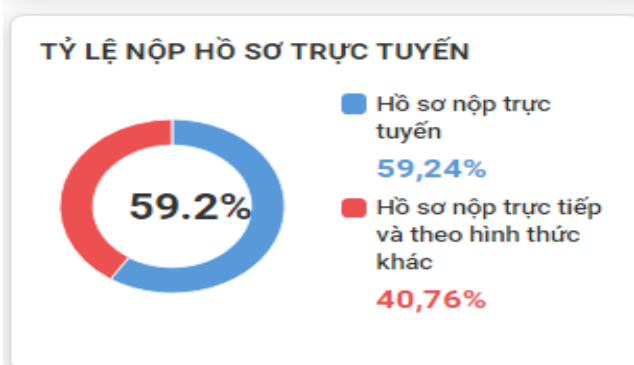
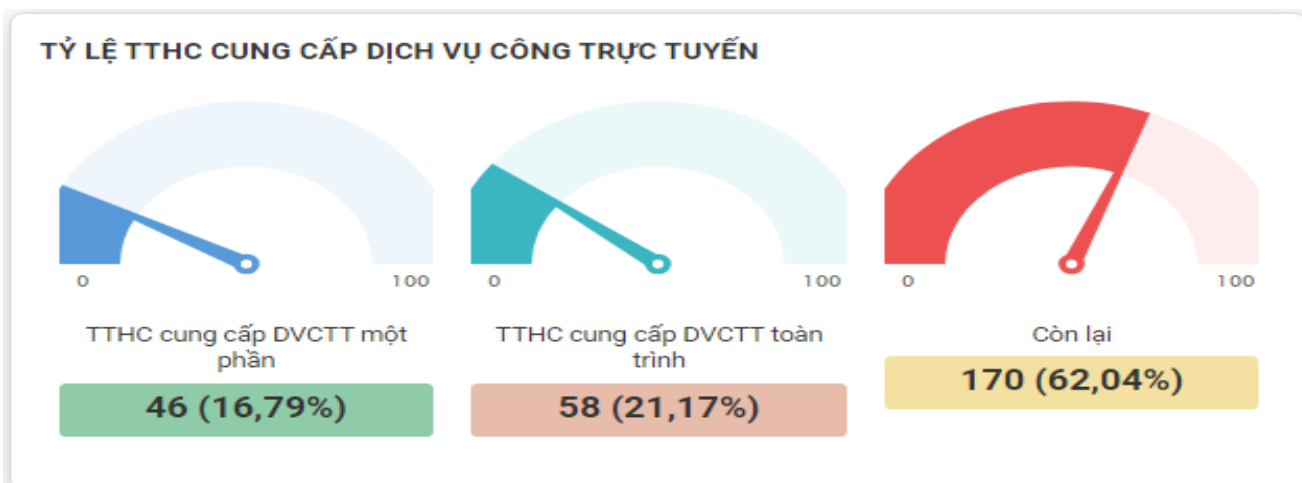
STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm đạt được
01	UBND xã Tân Quy Tây	93,6%	7,1 / 12
02	UBND phường 1	86,2%	
03	UBND phường 4	84,7%	
04	UBND phường Tân Quy Đông	74,3%	
05	UBND xã Tân Phú Đông	71,2%	
06	UBND phường 3	63%	
07	UBND phường 2	59,5%	
08	UBND phường An Hòa	54,4%	
09	UBND xã Tân Khánh Đông	48,2%	



Ảnh: Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến của các xã, phường

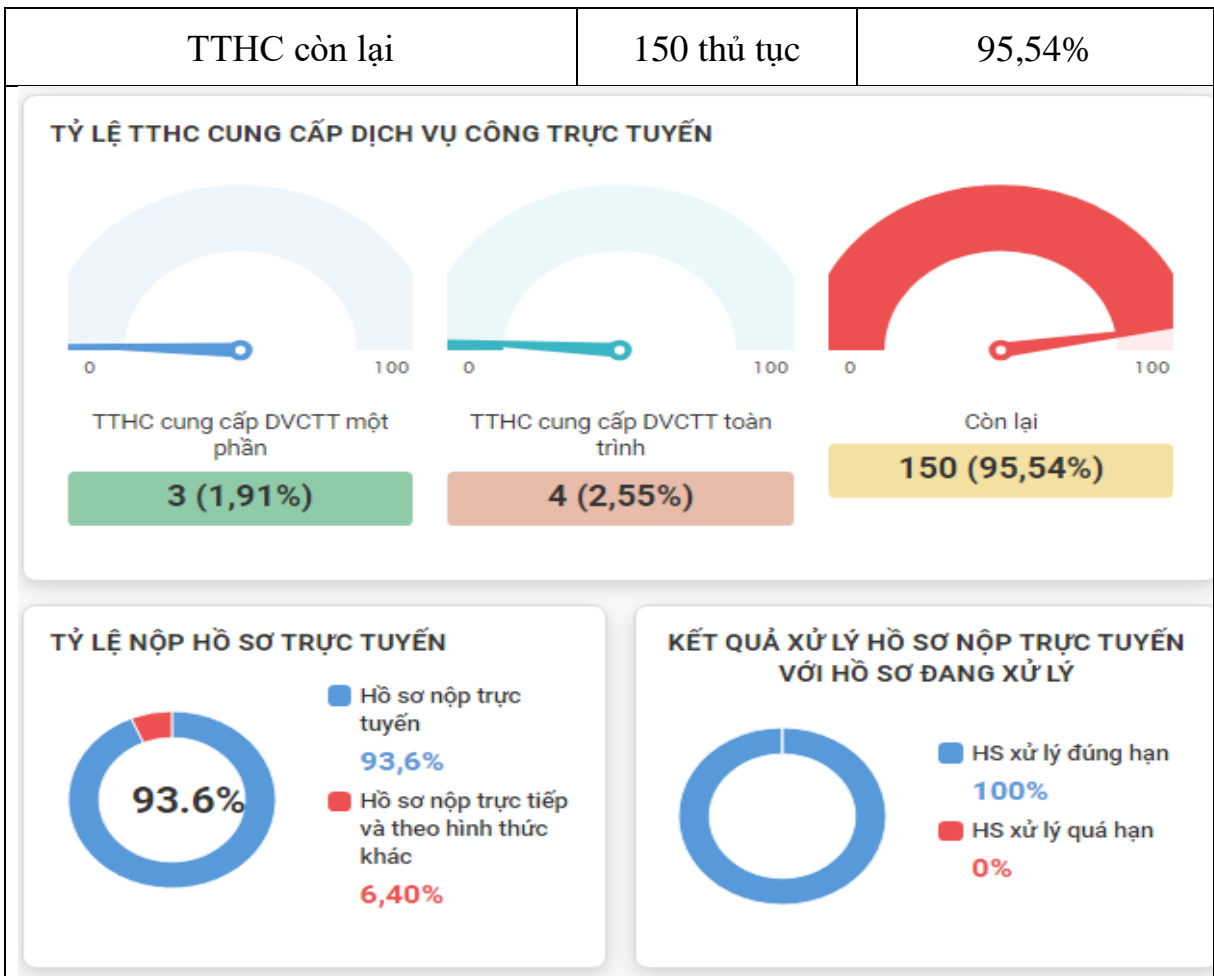
3.3/ Số lượng giải quyết hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến và số lượng TTHC, tỷ lệ trên từng TTHC cung cấp DVCTT một phần, toàn trình và TTHC còn lại của toàn Thành phố.

Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
59,24%	40,76%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
92,17%	7,83%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	46 thủ tục	16,79%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	58 thủ tục	21,17%
TTHC còn lại	170 thủ tục	62,04%

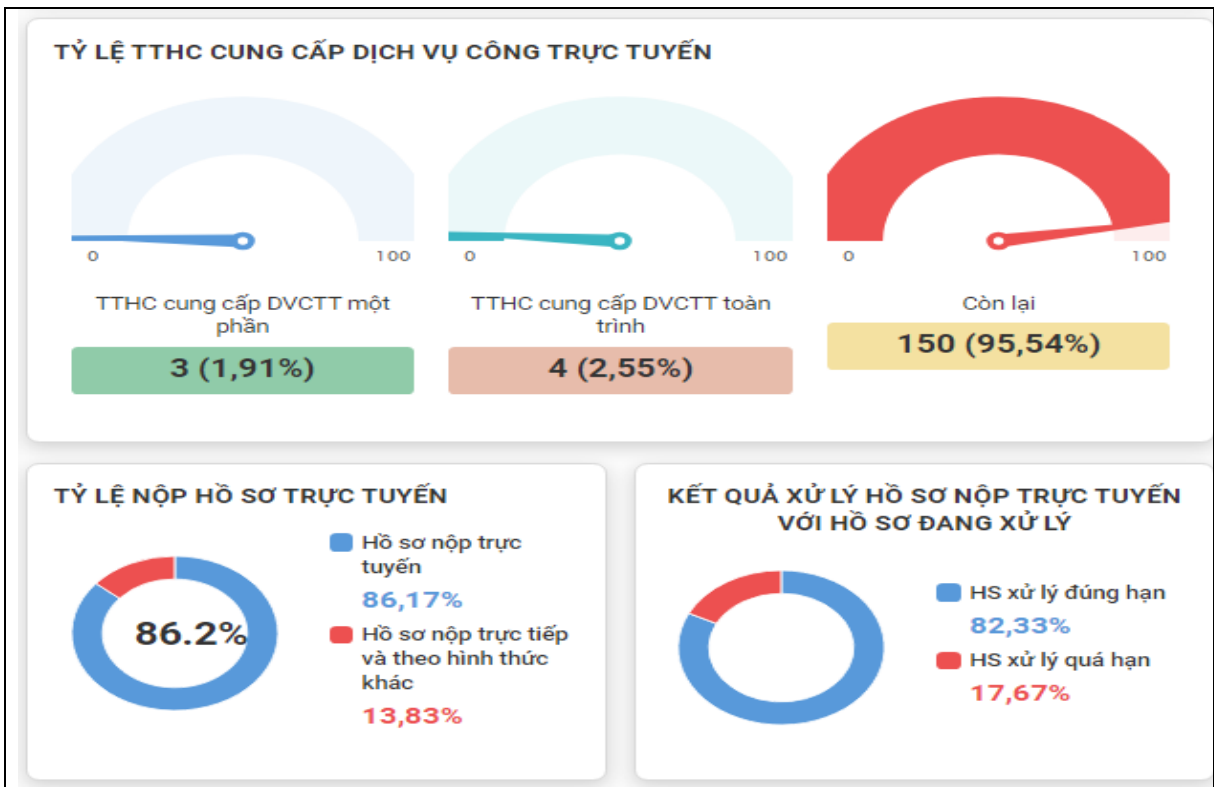


3.4/ Số lượng giải quyết hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến và số lượng TTHC, tỷ lệ trên từng TTHC cung cấp DVCTT một phần, toàn trình và TTHC còn lại của các xã, phường.

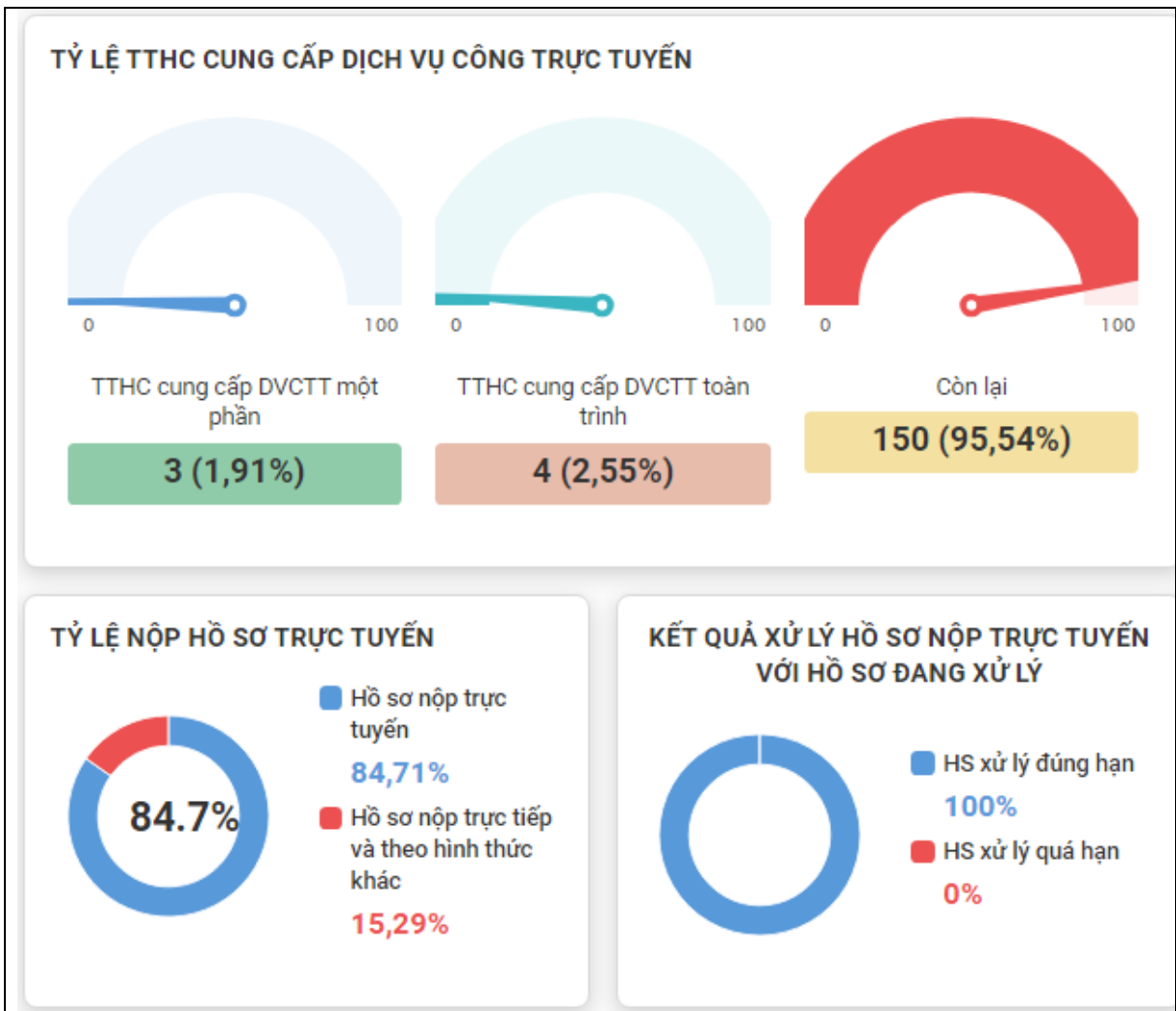
ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN QUY TÂY		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
93,6%	6,40%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
100%	00%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,91%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,55%



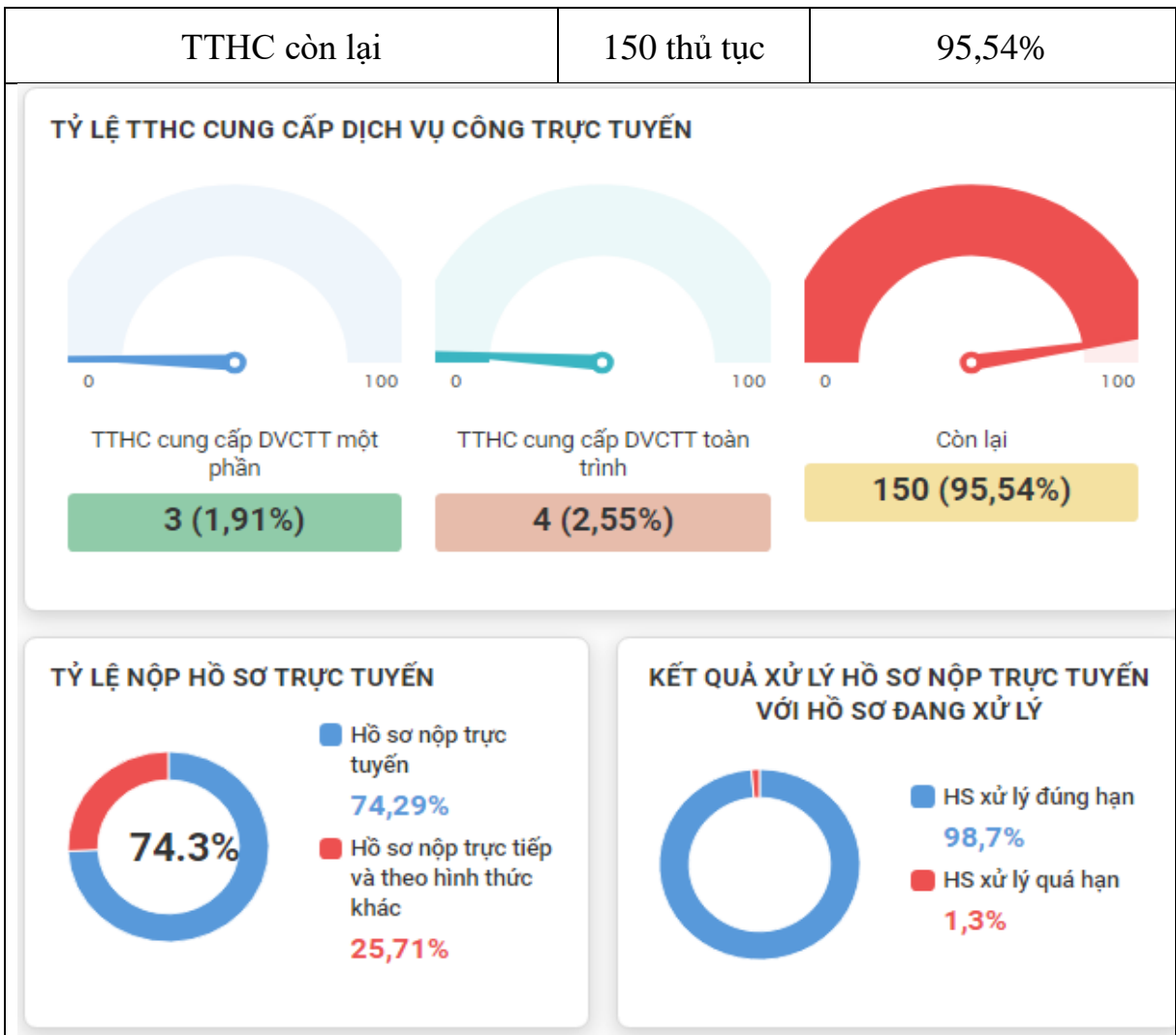
ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 1		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
86,17%	13,83%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
82,33%	17,67%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,91%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,55%
TTHC còn lại	150 thủ tục	95,54%



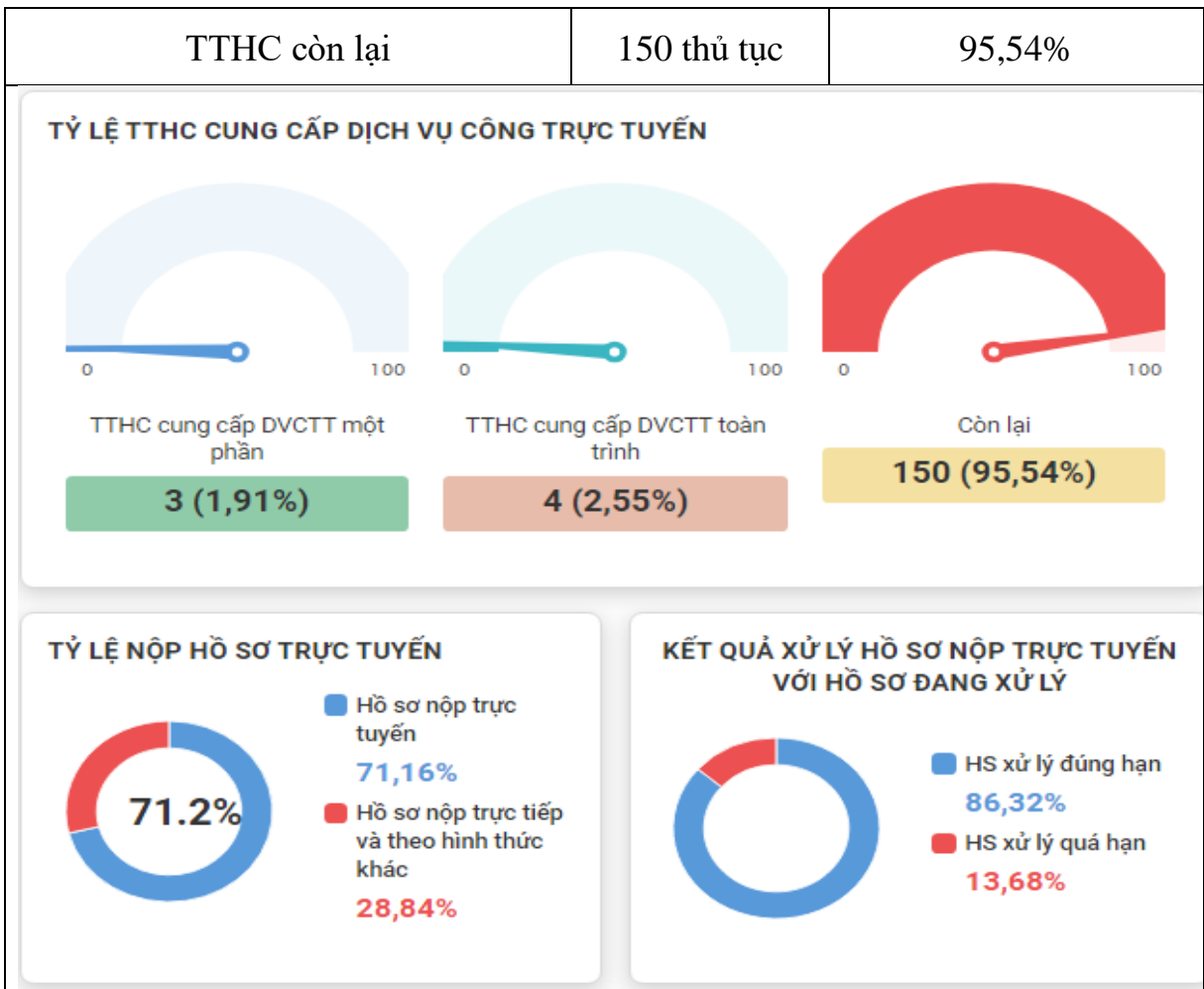
ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 4		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
84,71%	15,29%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
100%	00%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,91%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,55%
TTHC còn lại	150 thủ tục	95,54%



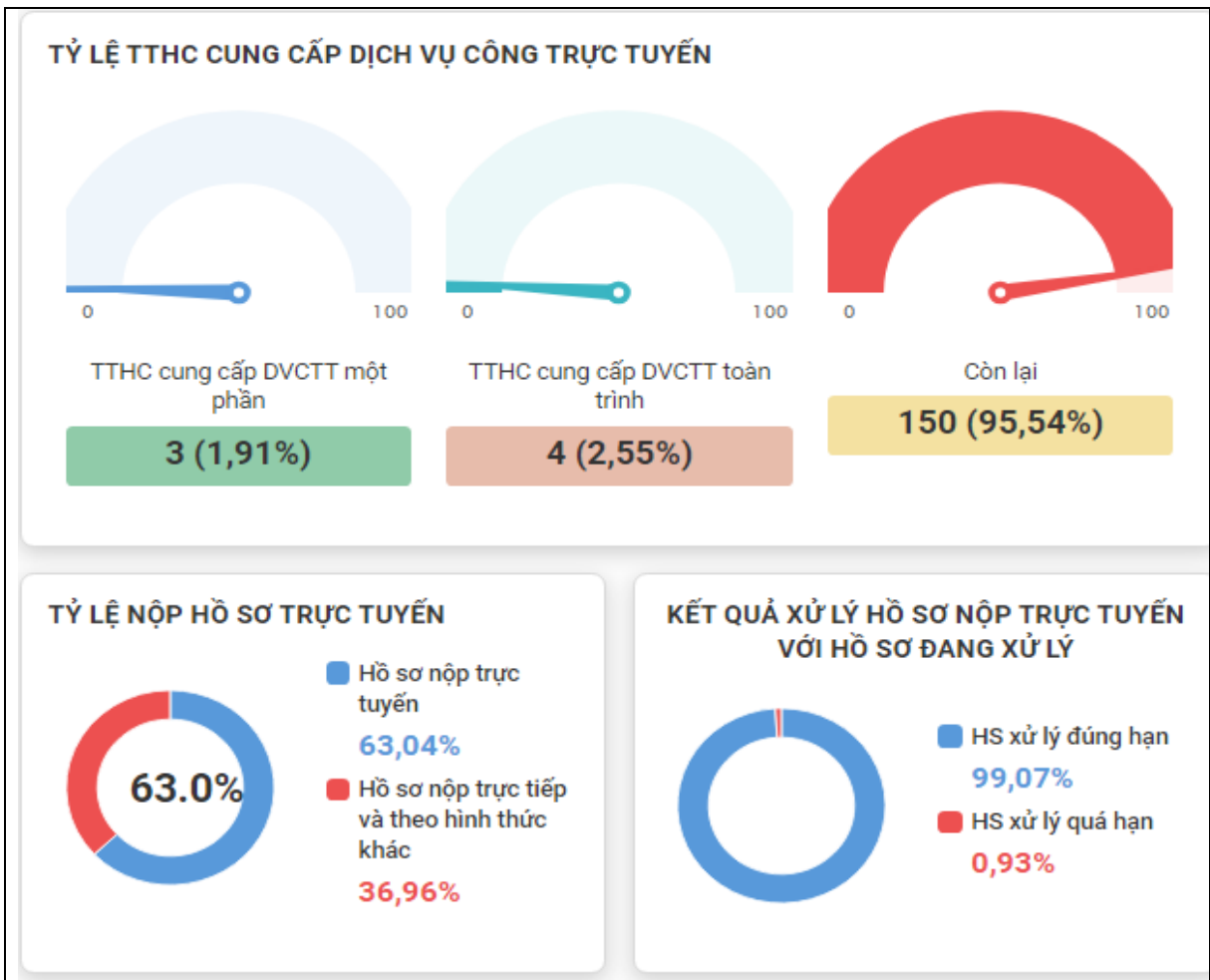
ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN QUY ĐÔNG		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
74,29%	25,71%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
98,7%	1,3%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,91%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,55%



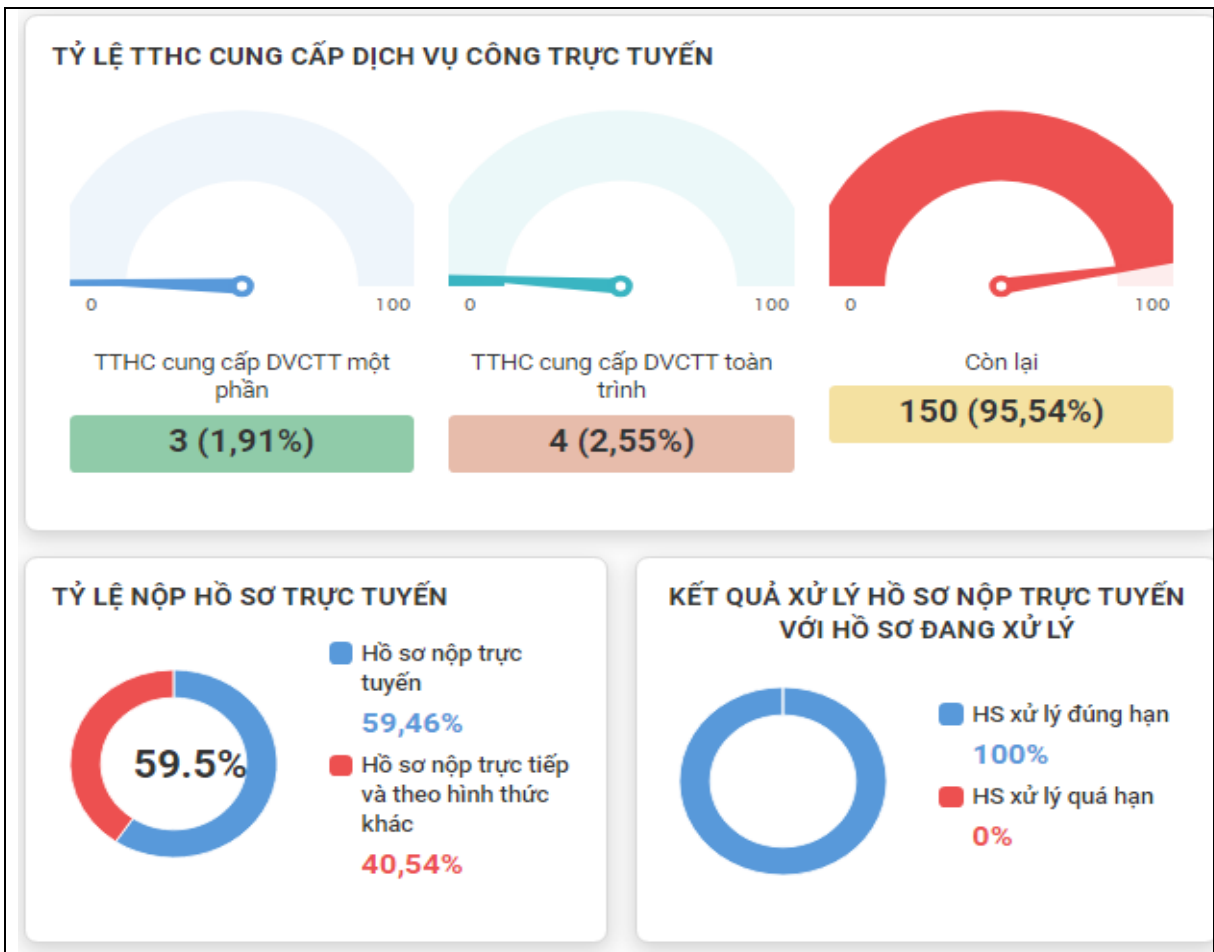
ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN PHÚ ĐÔNG		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
71,16%	28,84%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
86,32%	13,68%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,91%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,55%



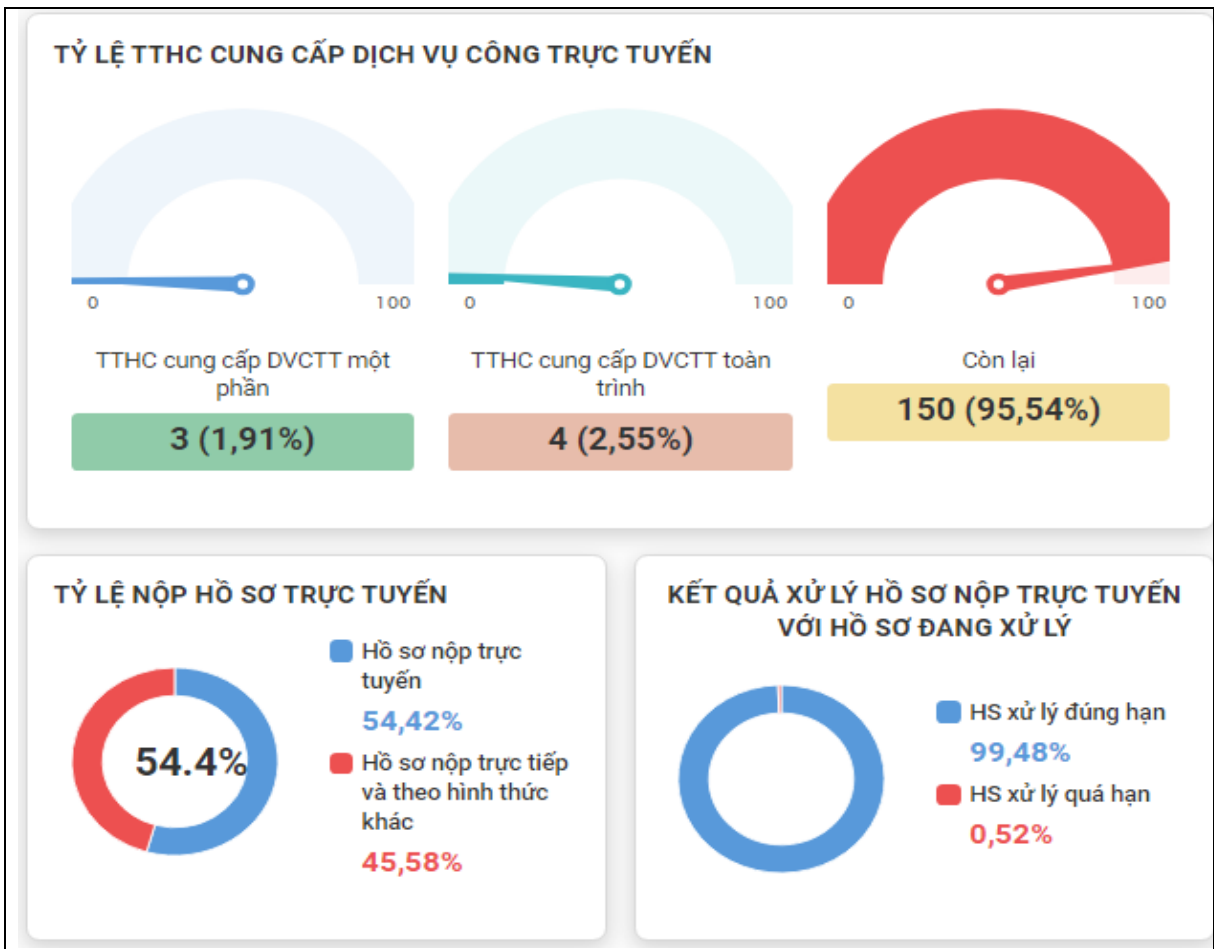
ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 3		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
63,04%	36,96%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
99,07%	0,93%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,91%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,55%
TTHC còn lại	150 thủ tục	95,54%



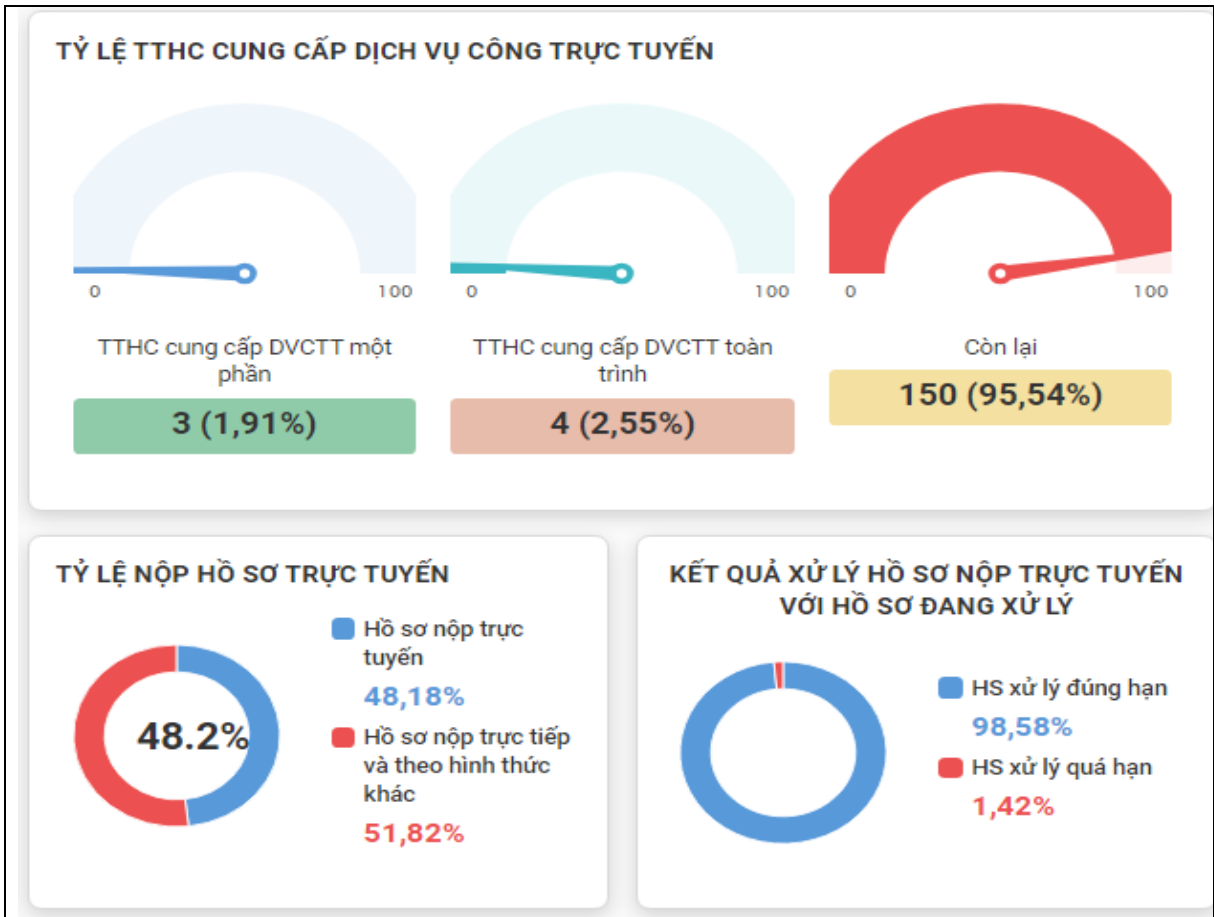
ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG 2		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
59,46%	40,54%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
100%	00%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,91%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,55%
TTHC còn lại	150 thủ tục	95,54%



ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG AN HÒA		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
54,42%	45,58%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
99,48%	0,52%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,91%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,55%
TTHC còn lại	150 thủ tục	95,54%



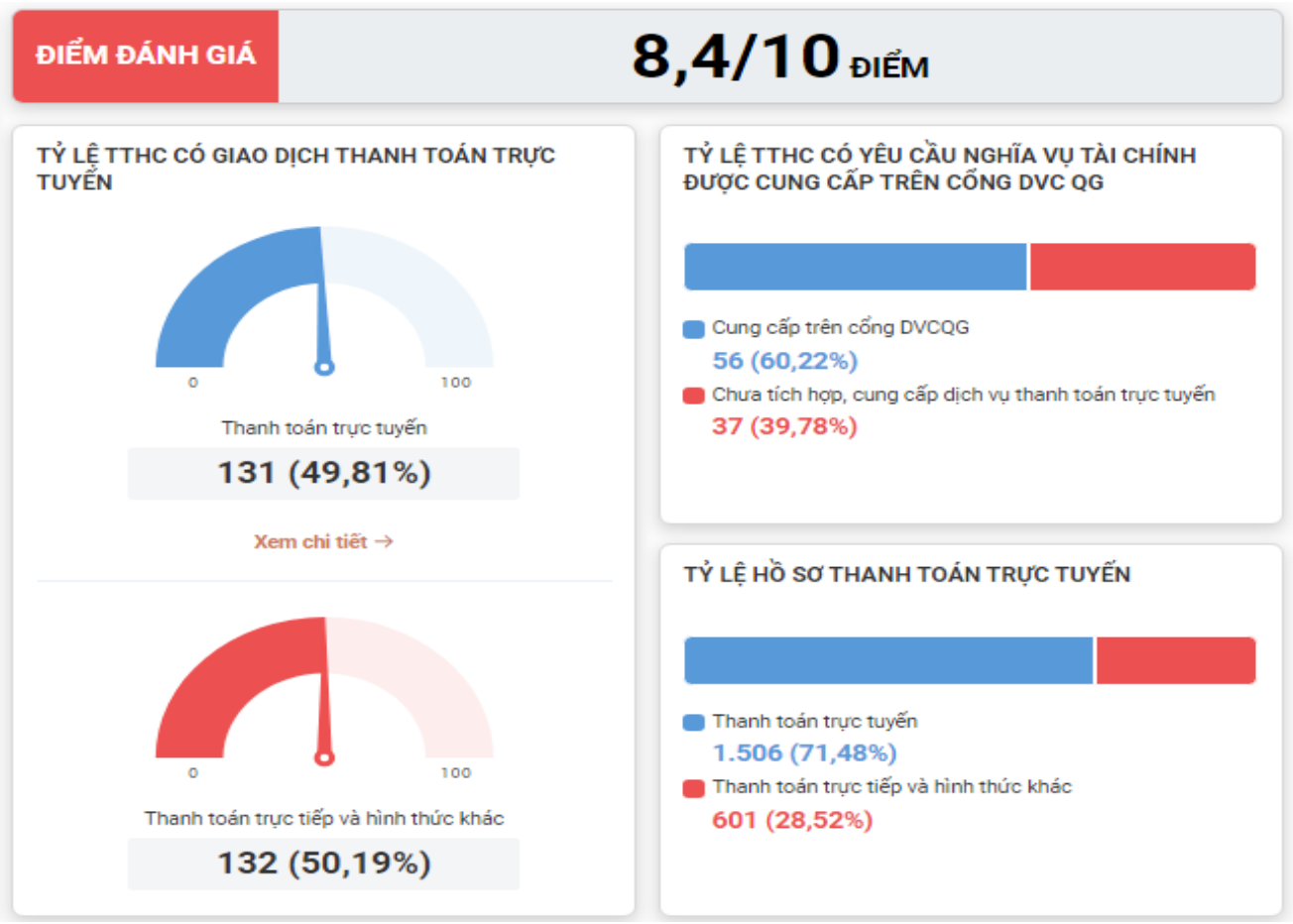
ĐƠN VỊ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN KHÁNH ĐÔNG		
Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến		
Hồ sơ nộp trực tuyến	Hồ sơ nộp trực tiếp và theo hình thức khác	
48,18%	51,82%	
Kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến với hồ sơ đang xử lý		
Hồ sơ xử lý đúng hạn	Hồ sơ xử lý quá hạn	
98,58%	1,42%	
Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Số TTHC	Tỷ lệ
TTHC cung cấp DVCTT một phần	03 thủ tục	1,91%
TTHC cung cấp DVCTT toàn phần	04 thủ tục	2,55%
TTHC còn lại	150 thủ tục	95,54%



4. Chỉ số Thanh toán trực tuyến.

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến.
- Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến.
- Thành phố Sa Đéc trong tháng 01 năm 2024 đạt **8,4 / 10 điểm**, tỷ lệ **66,99%**; xếp hạng **10 / 12** huyện, thành phố. Bao gồm các lĩnh vực như sau:

Tỷ lệ TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được cung cấp Trên Cổng dịch vụ công quốc gia	
Cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia	Chưa tích hợp, cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến
56 thủ tục (60,22%)	37 thủ tục (39,78%)
Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	
Thanh toán trực tuyến	Thanh toán trực tiếp và hình thức khác
1.506 hồ sơ (71,48%)	601 hồ sơ (28,52%)



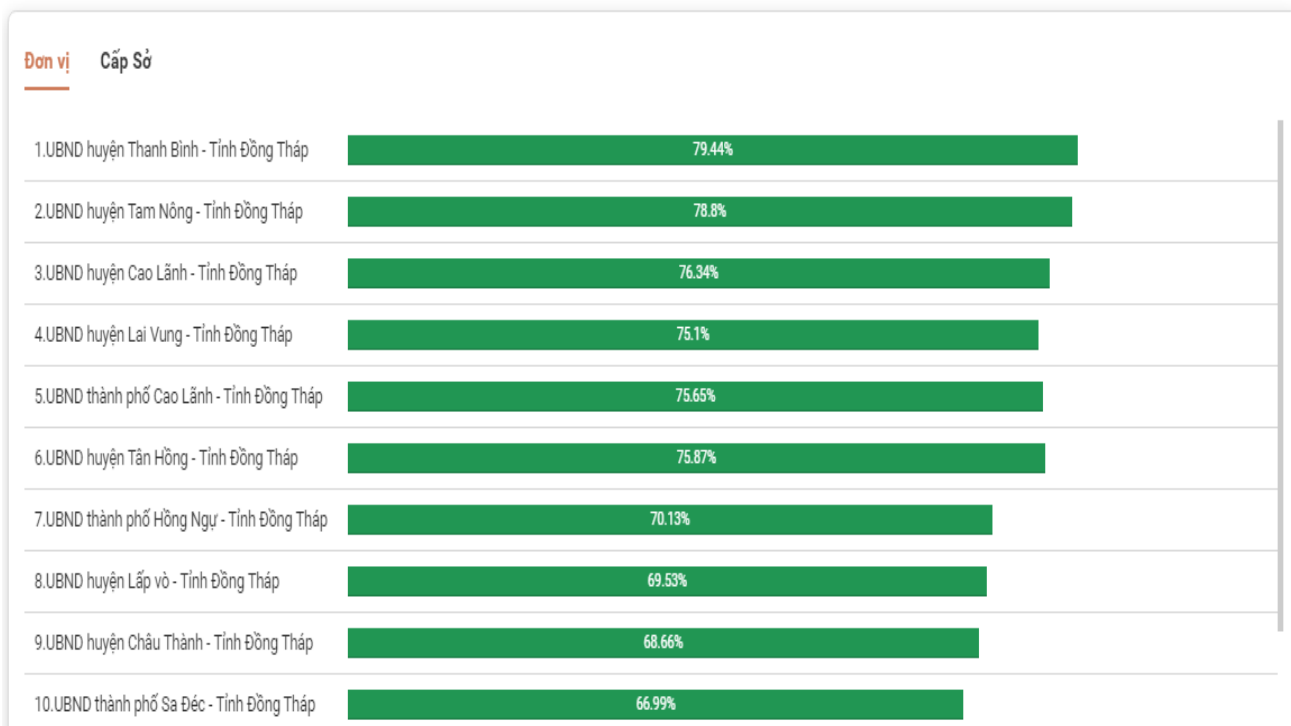
Ảnh: Điểm đánh giá của Thành phố trên Cổng dịch vụ công.

4.1/ Tỷ lệ % chỉ số thanh toán trực tuyến của các huyện, thành phố.

STT	Đơn vị	Tỷ lệ
01	UBND huyện Thanh Bình	79,44%
02	UBND huyện Tam Nông	78,8%
03	UBND huyện Cao Lãnh	76,34%
04	UBND huyện Lai Vung	75,1%
05	UBND huyện Tân Hồng	75,65%
06	UBND thành phố Cao Lãnh	75,87%
07	UBND thành phố Hồng Ngự	70,13%
08	UBND huyện Lấp Vò	69,53%
09	UBND huyện Châu Thành	68,66%
10	UBND thành phố Sa Đéc	66,99%

11	UBND huyện Hồng Ngự	52,93%
12	UBND huyện Tháp Mười	34,46%

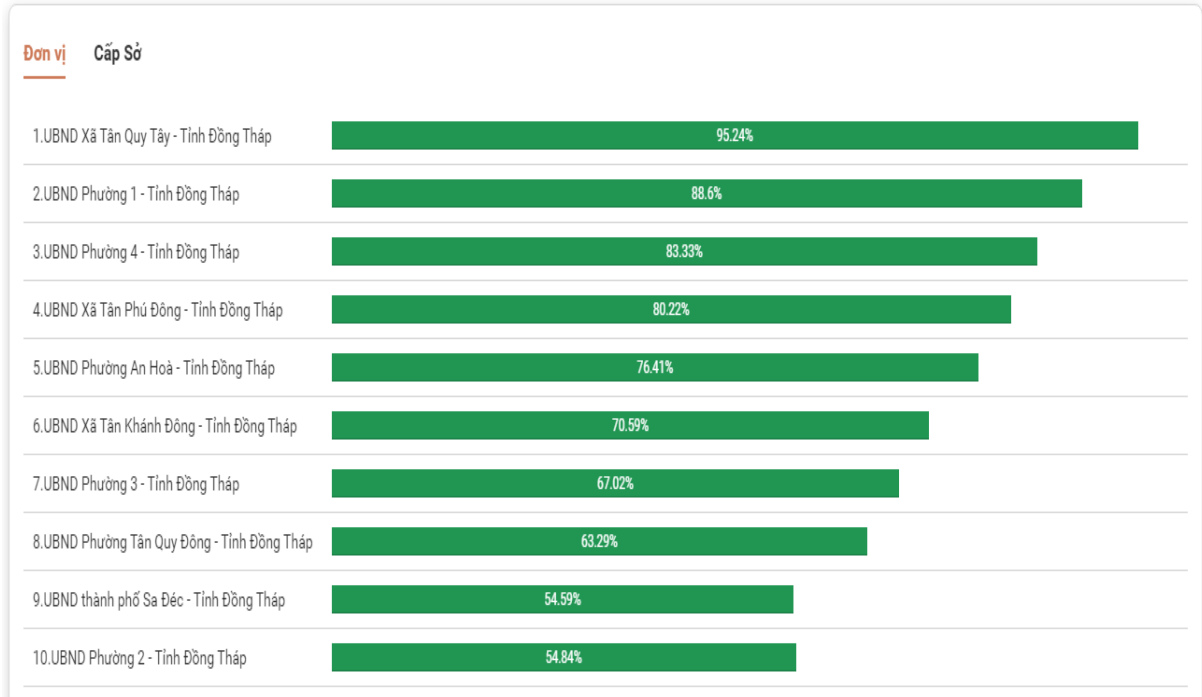
TỶ LỆ HỒ SƠ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN



Ảnh: Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến của các huyện, thành phố.

4.2/ Tỷ lệ % chỉ số thanh toán trực tuyến của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp, phòng Tư pháp Thành phố.

STT	Đơn vị	Tỷ lệ
01	UBND xã Tân Quy Tây	95,24%
02	UBND phường 1	88,6%
03	UBND phường 4	83,33%
04	UBND xã Tân Phú Đông	80,22%
05	UBND phường An Hòa	76,41%
06	UBND xã Tân Khánh Đông	70,59%
07	UBND phường 3	67,02%
08	UBND phường Tân Quy Đông	63,29%
09	UBND phường 2	54,84%
10	Bộ phận TN và TKQ Thành phố	54,59%



Ảnh: Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp.

4.3/ Phát sinh hồ sơ thanh toán trực tuyến.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	Số hồ sơ thanh toán trực tuyến
01	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Hộ tịch	390 hồ sơ
02	2.000815	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	356 hồ sơ
03	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	297 hồ sơ
04	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (Hộ kinh doanh)	112 hồ sơ
05	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	109 hồ sơ
06	1.009994	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	Hoạt động xây dựng	74 hồ sơ
07	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (Hộ kinh doanh)	52 hồ sơ

08	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	51 hồ sơ
09	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	13 hồ sơ
10	2.000992	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của phòng Tư pháp	Chứng thực	13 hồ sơ
11	2.000843	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	09 hồ sơ
12	1.005092	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	Văn bằng, chứng chỉ	08 hồ sơ
13	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (Hộ kinh doanh)	08 hồ sơ
14	2.001035	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	04 hồ sơ
15	1.005461	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	03 hồ sơ
16	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	Hộ tịch	02 hồ sơ
17	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	02 hồ sơ
18	2.000884	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (Áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Chứng thực	01 hồ sơ
19	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	01 hồ sơ
20	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	01 hồ sơ
Tổng cộng:				1.506 hồ sơ

5. Chỉ số về mức độ hài lòng.

5.1. Nhóm các tiêu chí gồm.

- Tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị.
- Tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.
- Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị theo phân loại.
- Tiến độ xử lý phản ánh, kiến nghị theo địa bàn hành chính.

5.2 Kết quả đạt được trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Mức độ hài lòng của người dân tại thành phố Sa Đéc đạt tỷ lệ **99,1%**, đạt **17,8 / 18 điểm, đứng thứ 04 / 12 huyện, thành phố**. Tỷ lệ hài lòng trong xử lý

phản ánh, kiến nghị đạt **100%**; tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC, đạt **100%**; tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn đạt tỷ lệ **100%**.



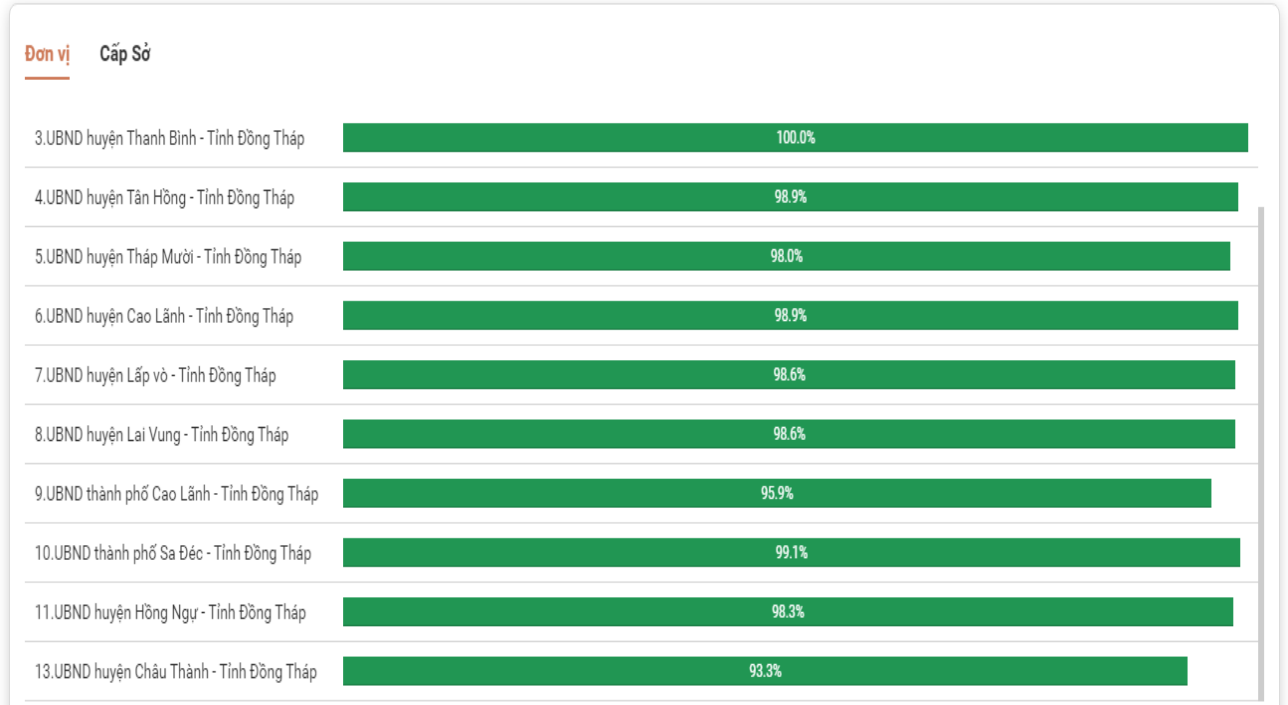
Ảnh: Điểm đánh giá chỉ số mức độ hài lòng.

5.3/ Tỷ lệ mức độ hài lòng của các huyện, thành phố.

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND thành phố Hồng Ngự	100%	18 / 18
02	UBND huyện Tam Nông	100%	18 / 18
03	UBND huyện Thanh Bình	100%	18 / 18
04	UBND thành phố Sa Đéc	99,1%	17,8 / 18
05	UBND huyện Tân Hồng	98,9%	17,8 / 18
06	UBND huyện Cao Lãnh	98,9%	17,8 / 18
07	UBND huyện Lấp vò	98,6%	17,8 / 18
08	UBND huyện Lai Vung	98,6%	17,8 / 18
09	UBND huyện Hồng Ngự	98,3%	17,7 / 18
10	UBND huyện Tháp Mười	98%	17,6 / 18

11	UBND thành phố Cao Lãnh	95,9%	17,3 / 18
12	UBND huyện Châu Thành	93,3%	16,8 / 18

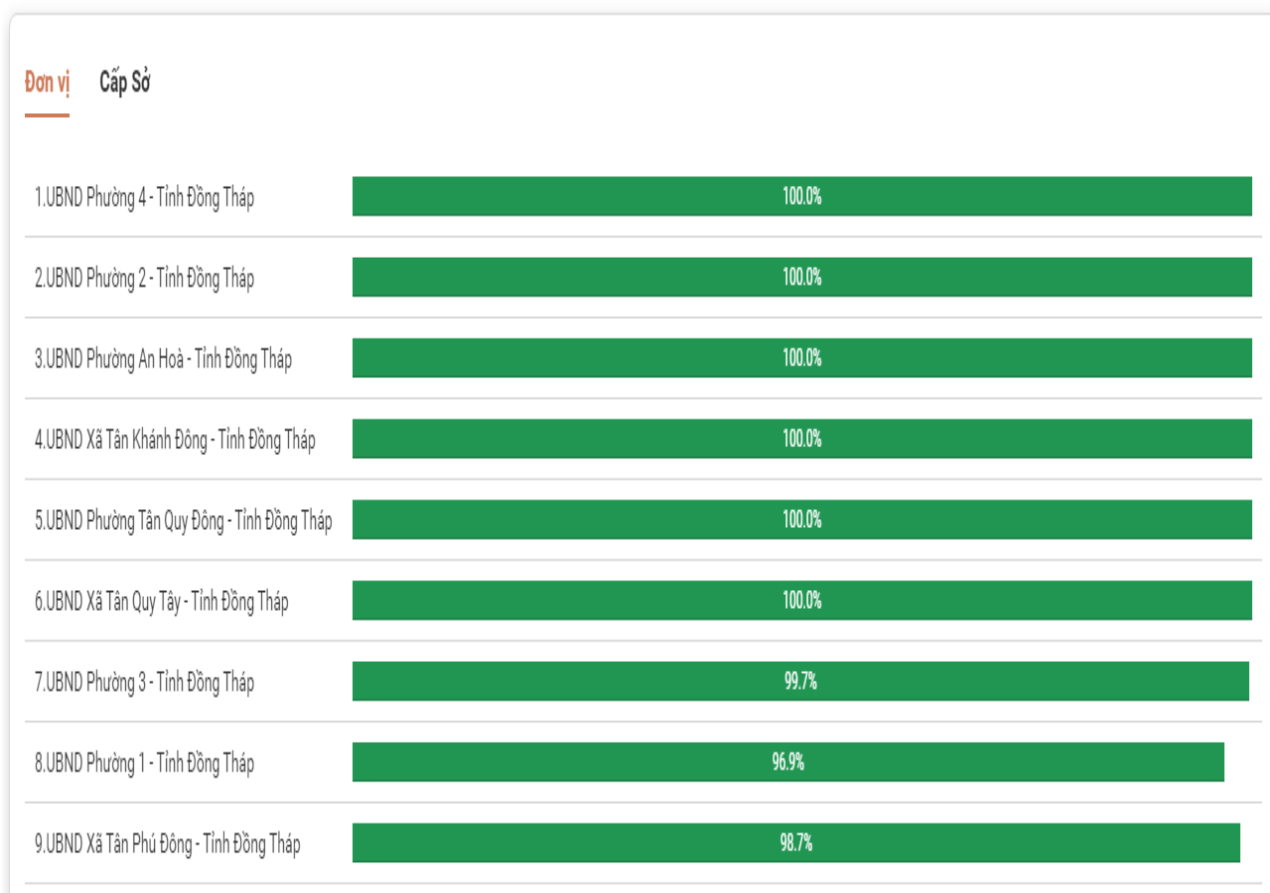
MỨC ĐỘ HÀI LÒNG



Ảnh: Tỷ lệ mức độ hài lòng của các huyện, thành phố.

5.4/ Tỷ lệ mức độ hài lòng của các xã, phường.

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND phường 4	100%	18 / 18
02	UBND phường 2	100%	18 / 18
03	UBND phường An Hoà	100%	18 / 18
04	UBND xã Tân Khánh Đông	100%	18 / 18
05	UBND phường Tân Quy Đông	100%	18 / 18
06	UBND xã Tân Quy Tây	100%	18 / 18
07	UBND phường 3	99,7%	17,9 / 18
08	UBND xã Tân Phú Đông	98,7%	17,8 / 18
09	UBND phường 1	96,9%	17,4 / 18



Ảnh: Tỷ lệ mức độ hài lòng của các xã, phường.

TỶ LỆ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ XỬ LÝ ĐÚNG HẠN

Tỉnh, thành phố	Số lượng PAKN	Xử lý đúng hạn (PAKN)	Tỷ lệ đúng hạn
1. UBND Phường 1 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	100,00%
2. UBND Phường 2 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	100,00%
3. UBND Phường 3 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	100,00%
4. UBND Phường 4 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	100,00%
5. UBND thành phố Sa Đéc - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	100,00%
6. UBND Phường Tân Quy Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	100,00%
7. UBND Xã Tân Khánh Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	100,00%
8. UBND Xã Tân Phú Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	100,00%
9. UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	100,00%

Ảnh: Tỷ lệ phản ánh, kiến nghị xử lý đúng hạn của Thành phố và các xã, phường.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ.

6.1. Nhóm các tiêu chí gồm.

- Tỷ lệ hồ sơ kết quả điện tử.
- Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.
- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa.
- Số lượng tài khoản công dịch vụ công quốc gia được xác thực với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính.
- Số liệu cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.

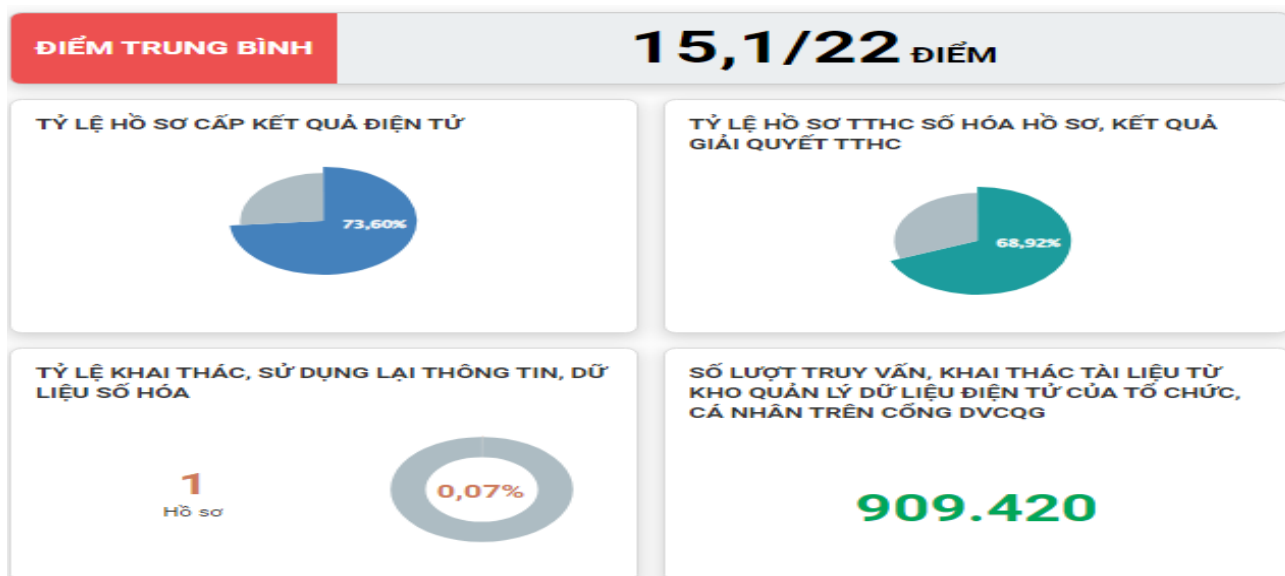
6.2. Kết quả đạt được trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ trong tháng 01 năm 2024 đạt **68,8%**, đạt **15,1 / 22 điểm**, xếp hạng **12 / 12** so với các số điểm của các huyện, thành phố.

- Thành phố Sa Đéc trong tháng 04 năm 2024 có phát sinh **181 hồ sơ** chứng thực điện tử bản sao từ bản chính đạt tại **10/10** đơn vị (*Phòng Tư pháp, phường 1, phường 2, phường 3, phường 4, phường An Hòa, phường Tân Quy Đông, xã Tân Phú Đông, xã Tân Quy Tây, xã Tân Khánh Đông*).

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử và tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC:

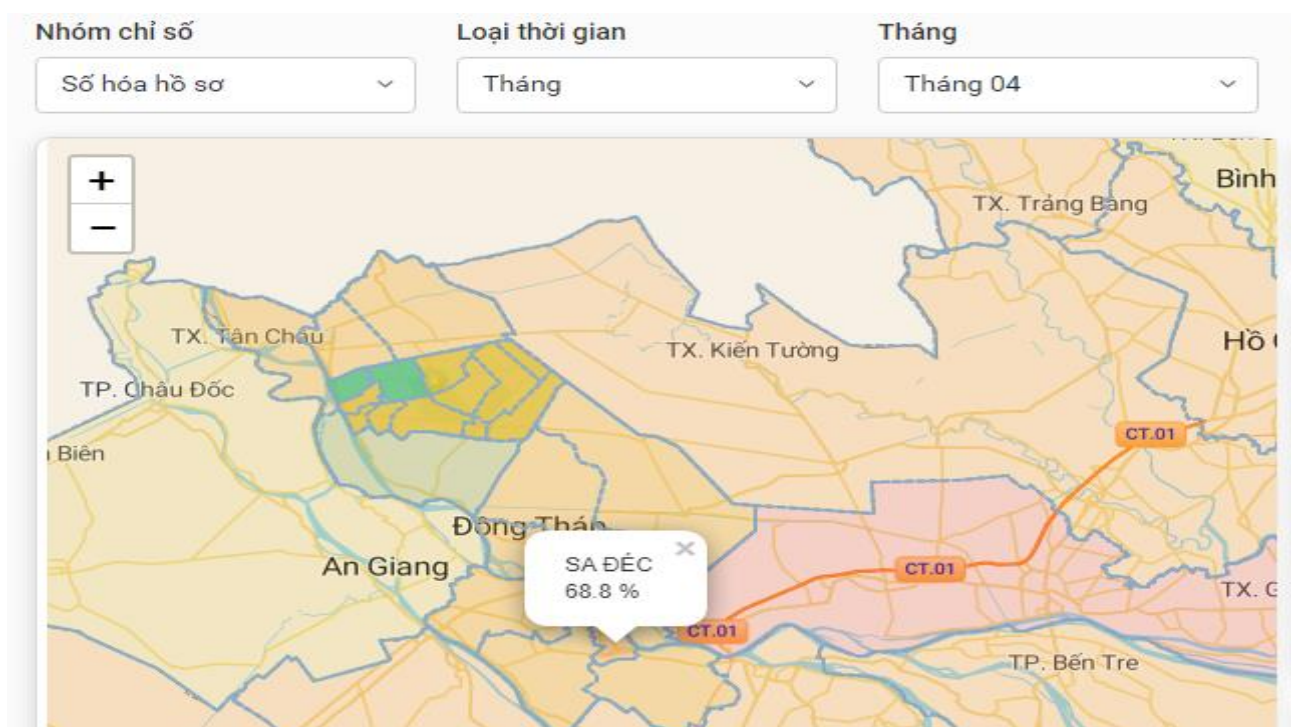
STT	Tên thực hiện	Tỷ lệ
01	Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử	73,60%
02	Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC	68,92%
03	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	01 hồ sơ, Tỷ lệ 0,07%



Ảnh: Tỷ lệ và điểm số hóa hồ sơ của Thành phố.

5.3/ Tỷ lệ thực hiện của các huyện, thành phố:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND huyện Thanh Bình	80,7%	17,8 / 22
02	UBND huyện Tam Nông	80%	17,6 / 22
03	UBND huyện Châu Thành	79,9%	17,6 / 22
04	UBND huyện Tân Hồng	78,5%	17,3 / 22
05	UBND huyện Lấp Vò	77,7%	17,1 / 22
06	UBND thành phố Cao Lãnh	77,6%	17,1 / 22
07	UBND huyện Lai Vung	76,5%	16,8 / 22
08	UBND huyện Cao Lãnh	76%	16,7 / 22
09	UBND thành phố Hồng Ngự	74,9%	16,5 / 22
10	UBND huyện Hồng Ngự	74,2%	16,3 / 22
11	UBND huyện Tháp Mười	70,9%	15,6 / 22
12	UBND thành phố Sa Đéc	68,8%	15,1 / 22



Ảnh: Tỷ lệ số hóa hồ sơ của Thành phố.

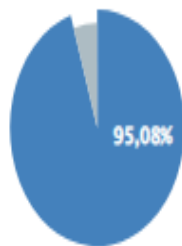
5.4/ Tỷ lệ thực hiện của các xã, phường:

STT	Đơn vị	Tỷ lệ	Điểm
01	UBND xã Tân Quy Tây	80,1%	17,6 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		95,08%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		95,08%	
Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa		00%	

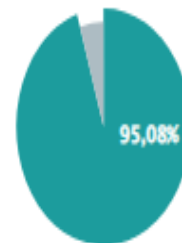
ĐIỂM TRUNG BÌNH

17,6/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC



TỶ LỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG LẠI THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỐ HÓA

0
Hồ sơ



SỐ LƯỢT TRUY VẤN, KHAI THÁC TÀI LIỆU TỪ KHO QUẢN LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỔNG DVCQG

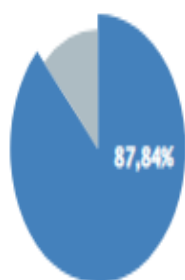
909.420

02	UBND phường 1	77,4%	17 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		87,84%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		86,47%	
Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa		01 hồ sơ (Tỷ lệ 0,23%)	

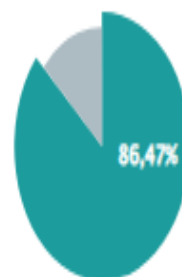
ĐIỂM TRUNG BÌNH

17,0/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC



TỶ LỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG LẠI THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỐ HÓA

1
Hồ sơ



SỐ LƯỢT TRUY VẤN, KHAI THÁC TÀI LIỆU TỪ KHO QUẢN LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỐNG DVCQG

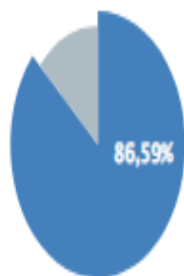
909.420

03	UBND phường 4	76,2%	16,8 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		86,59%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		86,59%	
Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa		00%	

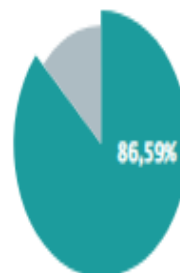
ĐIỂM TRUNG BÌNH

16,8/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC



TỶ LỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG LẠI THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỐ HÓA

0
Hồ sơ



SỐ LƯỢT TRUY VẤN, KHAI THÁC TÀI LIỆU TỪ KHO QUẢN LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỔNG DVCQG

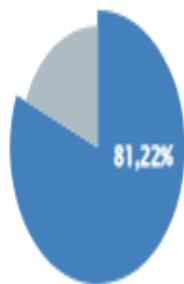
909.420

04	UBND xã Tân Phú Đông	72,1%	15,9 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		81,22%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		71,83%	
Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa		00%	

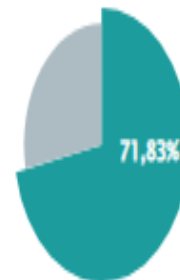
ĐIỂM TRUNG BÌNH

15,9/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC



TỶ LỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG LẠI THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỐ HÓA

0
Hồ sơ



SỐ LƯỢT TRUY VẤN, KHAI THÁC TÀI LIỆU TỪ KHO QUẢN LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỔNG DVCQG

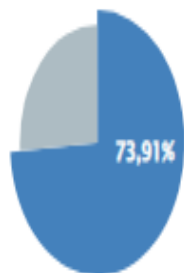
909.420

05	UBND phường Tân Quy Đông	69,2%	15,2 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		73,91%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		73,91%	
Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa		00%	

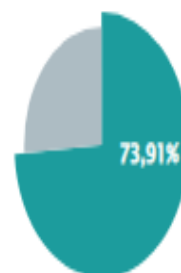
ĐIỂM TRUNG BÌNH

15,2/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC



TỶ LỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG LẠI THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỐ HÓA

0
Hồ sơ

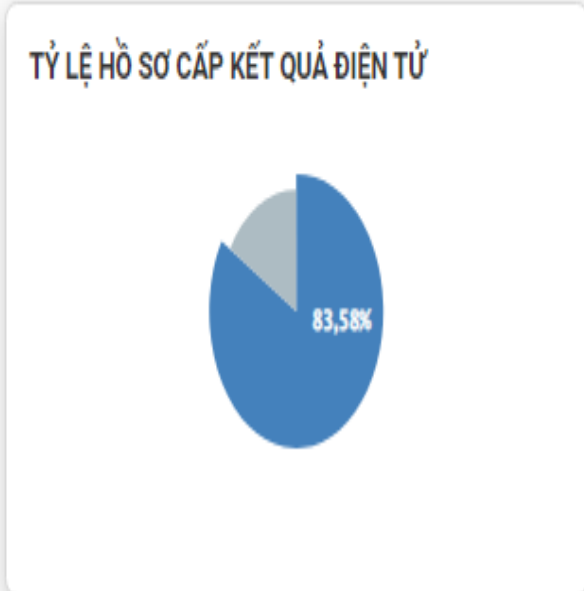


SỐ LƯỢT TRUY VẤN, KHAI THÁC TÀI LIỆU TỪ KHO QUẢN LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỐNG DVCQG

909.420

06	UBND xã Tân Khánh Đông	68,1%	15 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		83,58%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		49,23%	
Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa		00%	

ĐIỂM TRUNG BÌNH 15,0/22 ĐIỂM



SỐ LƯỢT TRUY VẤN, KHAI THÁC TÀI LIỆU TỪ KHO QUẢN LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỔNG DVCQG

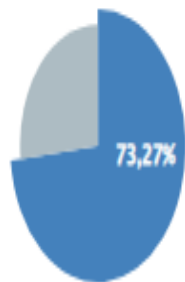
909.420

07	UBND phường 3	66,2%	14,6 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		73,27%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		67,33%	
Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa		00%	

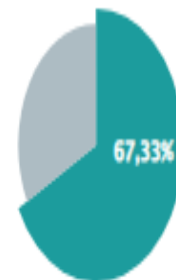
ĐIỂM TRUNG BÌNH

14,6/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC



TỶ LỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG LẠI THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỐ HÓA

0
Hồ sơ



SỐ LƯỢT TRUY VẤN, KHAI THÁC TÀI LIỆU TỪ KHO QUẢN LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỔNG DVCQG

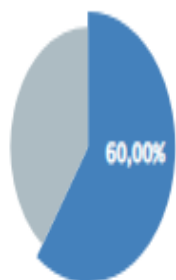
909.420

08	UBND phường 2	59,7%	13,1 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		60%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		60%	
Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa		00%	

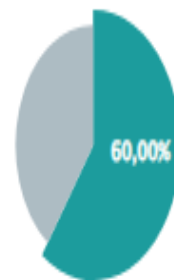
ĐIỂM TRUNG BÌNH

13,1/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC



TỶ LỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG LẠI THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỐ HÓA

0
Hồ sơ



SỐ LƯỢT TRUY VẤN, KHAI THÁC TÀI LIỆU TỪ KHO QUẢN LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỔNG DVCQG

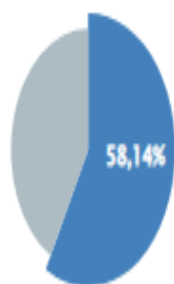
909.420

09	UBND phường An Hòa	57,9%	12,7 / 22
Tên thực hiện		Tỷ lệ	
Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử		58,14%	
Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC		54,88%	
Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa		00%	

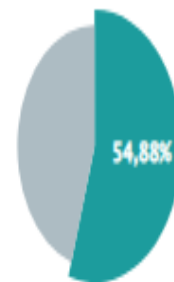
ĐIỂM TRUNG BÌNH

12,7/22 ĐIỂM

TỶ LỆ HỒ SƠ CẤP KẾT QUẢ ĐIỆN TỬ



TỶ LỆ HỒ SƠ TTHC SỐ HÓA HỒ SƠ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TTHC



TỶ LỆ KHAI THÁC, SỬ DỤNG LẠI THÔNG TIN, DỮ LIỆU SỐ HÓA

0
Hồ sơ



SỐ LƯỢT TRUY VẤN, KHAI THÁC TÀI LIỆU TỪ KHO QUẢN LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRÊN CỔNG DVCQG

909.420

5.5/ Chứng thực điện tử bản sao từ bản chính.

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ chứng thực bản sao điện tử
01	Phòng Tư pháp	02 hồ sơ

Chọn tiêu chí thống kê

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/04/2024

đến ngày:

30/04/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.11

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số
1	Phòng Tư Pháp - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	2	0	0	2

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ chứng thực bản sao điện tử
02	UBND phường 1	24 hồ sơ

Chọn tiêu chí thống kê

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/04/2024

đến ngày:

30/04/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.15

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số
1	UBND Phường 1 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	24	0	0	24

03	UBND phường 2	01 hồ sơ
-----------	----------------------	-----------------

Chọn tiêu chí thống kê

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/04/2024

đến ngày:

30/04/2024

Thủ tục hành chính:

- Tất cả -

Giấy tờ chứng thực:

- Tất cả -

Mã định danh:

H20.27.16

Đối tượng:

- Tất cả -

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số
1	UBND Phường 2 - Tỉnh Đồng Tháp	0	1	0	0	0	1

04	UBND phường 3	11 hồ sơ
-----------	----------------------	-----------------

Chọn tiêu chí thống kê

Thống kê số lượng hồ sơ Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/04/2024

đến ngày:

30/04/2024

Thủ tục hành chính:

- Tất cả -

Giấy tờ chứng thực:

- Tất cả -

Mã định danh:

H20.27.17

Đối tượng:

- Tất cả -

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số
1	UBND Phường 3 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	11	0	0	11

05**UBND phường 4****02 hồ sơ**

Chọn tiêu chí thống kê

 Thống kê số lượng hồ sơ
 Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/04/2024

đến ngày:

30/04/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.18

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Phường 4 - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	2	0	0	2

06**UBND phường An Hòa****32 hồ sơ**

Chọn tiêu chí thống kê

 Thống kê số lượng hồ sơ
 Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/04/2024

đến ngày:

30/04/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.19

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					Tổng số
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	
1	UBND Phường An Hòa - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	32	0	0	32

07

UBND phường Tân Quy Đông

00 hồ sơ

Chọn tiêu chí thống kê

 Thống kê số lượng hồ sơ
 Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/04/2024

đến ngày:

30/04/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.20

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số
1	UBND Phường Tân Quy Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0

08

UBND xã Tân Khánh Đông

65 hồ sơ

Chọn tiêu chí thống kê

 Thống kê số lượng hồ sơ
 Thống kê đặt lịch hẹn

Từ ngày:

01/04/2024

đến ngày:

30/04/2024

Thủ tục hành chính:

-- Tất cả --

Giấy tờ chứng thực:

-- Tất cả --

Mã định danh:

H20.27.21

Đối tượng:

-- Tất cả --

THỐNG KÊ

XUẤT FILE

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số
1	UBND Xã Tân Khánh Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	65	0	0	65

09	UBND xã Tân Phú Đông	44 hồ sơ																						
<p>Chọn tiêu chí thống kê</p> <p><input checked="" type="radio"/> Thống kê số lượng hồ sơ <input type="radio"/> Thống kê đặt lịch hẹn</p> <p>Từ ngày: <input type="text" value="01/04/2024"/> đến ngày: <input type="text" value="30/04/2024"/></p> <p>Thủ tục hành chính: <input type="text" value="-- Tất cả --"/> Giấy tờ chứng thực: <input type="text" value="-- Tất cả --"/></p> <p>Mã định danh: <input type="text" value="H20.27.22"/> Đối tượng: <input type="text" value="-- Tất cả --"/></p> <p style="text-align: center;">THỐNG KÊ XUẤT FILE</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Tên đơn vị</th> <th colspan="6">Số lượng hồ sơ theo trạng thái</th> </tr> <tr> <th>Chờ ký</th> <th>Chờ đóng dấu</th> <th>Hoàn thành</th> <th>Hủy</th> <th>Từ chối</th> <th>Tổng số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>UBND Xã Tân Phú Đông - Tỉnh Đồng Tháp</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>44</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>44</td> </tr> </tbody> </table>			STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái						Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số	1	UBND Xã Tân Phú Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	44	0	0	44
STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái																						
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số																	
1	UBND Xã Tân Phú Đông - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	44	0	0	44																	
10	UBND xã Tân Quy Tây	00 hồ sơ																						
<p>Chọn tiêu chí thống kê</p> <p><input checked="" type="radio"/> Thống kê số lượng hồ sơ <input type="radio"/> Thống kê đặt lịch hẹn</p> <p>Từ ngày: <input type="text" value="01/04/2024"/> đến ngày: <input type="text" value="30/04/2024"/></p> <p>Thủ tục hành chính: <input type="text" value="-- Tất cả --"/> Giấy tờ chứng thực: <input type="text" value="-- Tất cả --"/></p> <p>Mã định danh: <input type="text" value="H20.27.23"/> Đối tượng: <input type="text" value="-- Tất cả --"/></p> <p style="text-align: center;">THỐNG KÊ XUẤT FILE</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th> <th rowspan="2">Tên đơn vị</th> <th colspan="6">Số lượng hồ sơ theo trạng thái</th> </tr> <tr> <th>Chờ ký</th> <th>Chờ đóng dấu</th> <th>Hoàn thành</th> <th>Hủy</th> <th>Từ chối</th> <th>Tổng số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>0</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>			STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái						Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số	1	UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0
STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái																						
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số																	
1	UBND Xã Tân Quy Tây - Tỉnh Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0																	
Tổng cộng:		181 hồ sơ																						

III. NGUYÊN NHÂN THỰC HIỆN CHƯA ĐẢM BẢO CÁC CHỈ SỐ.

1. Chỉ số Công khai minh bạch.

Trong tháng, tình hình TTHC niêm yết đúng hạn; các TTHC đều được cập nhật, công khai đúng hạn nhưng trên bản đồ thể chế chưa đồng bộ hết các Chỉ số.

2. Chỉ số Tiến độ giải quyết.

Một số hồ sơ đã hoàn thành giải quyết và đã trả kết quả nhưng hệ thống chưa đồng bộ trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Tỉnh vẫn hiện thị hồ sơ bị quá hạn. Việc thực hiện 02 Nhóm TTHC liên thông hiện nay gặp khó khăn

do lỗi tại các phần mềm của Bộ và Công dịch vụ công quốc gia. UBND xã, phường hiện nay có những hồ sơ báo trạng thái quá hạn, trễ hạn. Các hồ sơ này đã hoàn thành giải quyết và đã trả đến người dân trước hạn nhưng Công dịch vụ công quốc gia đồng bộ Hệ thống với Tỉnh là quá hạn và trễ hạn. Có những trường hợp xã, phường đã giải quyết xong chuyển đến Bảo hiểm và Công an thì Hệ thống 02 ngành này không thể hiện hoặc đã thực hiện xong nhưng lại báo trạng thái chờ xử lý và trên Công dịch vụ công cũng thể hiện trạng thái quá hạn. Trên Bản đồ thể chế thể hiện rất nhiều hồ sơ báo trạng thái quá hạn nhưng thực tế những hồ sơ này đã hoàn thành giải quyết trước và đúng hạn, có những trường hợp không tìm thấy hồ sơ hoặc không tìm thấy thông tin tiến trình giải quyết hồ sơ.

3. Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến.

Công tác tuyên truyền nhằm tạo sự nhận thức về lợi ích của người dân khi sử dụng Dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế, chưa thực sự huy động các cá nhân, tổ chức tham gia nên một số đơn vị chưa đạt được chỉ tiêu theo yêu cầu đề ra. Một số TTHC trong tháng không có phát sinh hồ sơ.

4. Chỉ số Thanh toán trực tuyến.

Việc tuyên truyền, vận động người dân thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến chưa hiệu quả. Các TTHC về thanh toán trực tuyến hiện nay vẫn còn một số TTHC chưa đồng bộ, một số thủ tục đã lên toàn trình mà công dịch vụ công chưa đồng bộ với phần mềm một cửa, nên còn 01 vài thủ tục chưa thanh toán trực tuyến được.

5. Chỉ số Mức độ hài lòng.

Hồ sơ tiếp nhận tại Một cửa Thành phố liên quan đến đất đai rất nhiều mà đa số là thuộc thẩm quyền của cấp Tỉnh, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nhưng trong quá trình giải quyết hồ sơ quá hạn, trễ hạn thì người dân trực tiếp đánh giá mức độ hài lòng tại Thành phố. Vì vậy, chưa đảm bảo phản ánh thật sự mức độ hài lòng của các cá nhân, tổ chức đối với giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Thành phố.

6. Chỉ số về Số hóa hồ sơ.

Trong quá trình thực hiện số hoá số hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, số hóa hồ sơ còn hiệu lực các ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường chưa có sự tập trung quyết liệt trong việc triển khai thực hiện. Hiện nay, do nhu cầu các giao dịch của người dân, doanh nghiệp nộp chứng thực bản sao trực tiếp. Vì vậy, bản sao điện tử từ bản chính chưa nhiều và phần lớn người dân chưa có tài khoản trên Công Dịch vụ công Quốc gia, cũng như chưa thấy rõ lợi ích của việc chứng thực bản sao điện tử từ bản chính để chủ động yêu cầu thực hiện chứng thực bản sao điện tử.

IV. GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC, NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ.

1. Chỉ số Công khai minh bạch.

Giao các phòng, ban chuyên môn Thành phố phối hợp cùng với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố cũng như Ủy ban nhân dân

các xã, phường thường xuyên cập nhật, thực hiện công khai, niêm yết đầy đủ số lượng, nội dung các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trên bảng niêm yết tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả các cấp, trên Trang Thông tin điện tử Thành phố và xã, phường theo quy định. Đồng thời, loại bỏ các thủ tục hành chính bị bãi bỏ, hết hiệu lực. Việc cập nhật, công khai, niêm yết các thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên và chậm nhất sau **05 ngày** kể từ khi Quyết định công bố của Tỉnh có hiệu lực.

2. Chỉ số Tiến độ giải quyết.

UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo các ngành Thành phố, UBND các xã, phường quán triệt đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên theo dõi, cập nhật tiến độ, luân chuyển kịp thời hồ sơ TTHC (*Không để hồ sơ TTHC quá hạn trong quy trình giải quyết nội bộ*) trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đông Tháp. Đồng thời, hạn chế các trường hợp hồ sơ TTHC yêu cầu bổ sung, xin rút hồ sơ, không đủ điều kiện giải quyết hồ sơ, từ chối giải quyết, quá hạn, hoàn thành trễ hạn.

3. Chỉ số Dịch vụ công trực tuyến.

- UBND Thành phố đã chỉ đạo các ngành chuyên môn Thành phố hỗ trợ Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Thành phố, Bộ phận Một cửa các xã, phường tăng cường công tác tuyên truyền về tiếp nhận và giải quyết TTHC thông qua dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ Bru chính công ích cho tổ chức, công dân để nâng cao số lượng thực hiện TTHC và dịch vụ Bru chính công ích đạt chỉ tiêu theo quy định.

- Giao phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cho người dân về dịch vụ công trực tuyến. Tiếp tục hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật, phối hợp cùng với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi tình hình thực hiện việc số hóa hồ sơ, số hóa hồ sơ còn hiệu lực của các phòng, ban chuyên môn và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

4. Chỉ số thanh toán trực tuyến

- Chỉ đạo phòng Văn hoá - Thông tin chủ trì phối hợp cùng với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Thành phố, UBND các xã, phường thực hiện thanh toán thu phí, lệ phí trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, tuyên truyền, vận động, hỗ trợ công dân thanh toán phí, lệ phí khi thực hiện TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố, phòng Văn hoá - Thông tin theo dõi tình hình thực của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện. Kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết, ban hành các Công văn chỉ đạo để thực hiện tốt, có hiệu quả Chỉ số thanh toán trực tuyến trong thời gian tới.

5. Chỉ số về mức độ hài lòng.

- Yêu cầu các ngành Thành phố, UBND các xã, phường quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt niềm yết tiếp nhận, xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính và việc giải quyết TTHC, đảm bảo ngày càng nhanh chóng và hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu của mọi tổ chức và công dân trên địa bàn Thành phố.

- Chỉ đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố sau khi tiếp nhận những phản ánh kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Tổng đài 1022, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Công văn gửi đến các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết nhanh chóng các phản ánh kiến nghị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Tổng đài 1022 đảm bảo trọng tâm, trọng điểm và đúng quy định nhằm nâng cao Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp của thành phố Sa Đéc.

6. Chỉ số về số hóa hồ sơ.

- Tiếp tục chỉ đạo các ngành Thành phố, UBND các xã, phường nghiêm túc triển khai, thực hiện số hoá hồ sơ, số hóa hồ sơ còn hiệu lực, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đồng thời, tuyên truyền, phổ biến tới người dân về lợi ích mang lại của chứng thực bản sao điện tử từ bản chính có thể sử dụng nhiều lần, nộp cho nhiều bộ hồ sơ trực tuyến khác nhau, tiết kiệm chi phí nhiều hơn so với chứng thực bản sao trực tiếp.

- Giao phòng Văn hóa và Thông tin Thành phố phối hợp cùng với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cùng với các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác hướng dẫn triển khai, theo dõi, kiểm tra tình hình số hóa hồ sơ, số hóa hồ sơ còn hiệu lực, kết quả giải quyết TTHC bảo đảm chỉ tiêu theo quy định. Kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố phê bình Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tốt công tác giải quyết TTHC. Tham mưu UBND Thành phố ban hành Kế hoạch số hóa trong năm 2024 đảm bảo thực hiện đúng theo lộ trình đã đề ra.

Trên đây là Báo cáo kết quả đánh giá Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Sa Đéc trong tháng 04 năm 2024./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (B/c);
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- CT, P.CT UBND Thành phố;
- Các ngành Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử các xã, phường;
- Lãnh đạo VP. HĐND và UBND Thành phố;
- Trang Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT + MC, Cường.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hon